

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 20/2011/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương,
phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới
của tỉnh Đồng Nai năm 2012**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 83/2011/TT-BTC ngày 16/6/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 28/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Sau khi xem xét Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2011; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2012; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2012 theo Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh (kèm theo Tờ trình), cụ thể như sau:

1. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2012 trên địa bàn: 27.251.000 triệu đồng. Bao gồm:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trong cân đối: 26.035.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự toán thu nội địa: 15.900.000 triệu đồng.

- Dự toán thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 10.135.000 triệu đồng.

(Tăng 20 tỷ đồng so với số dự toán thu trong Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh trình tại kỳ họp)

b) Dự toán thu quản lý qua ngân sách: 1.216.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.

- Thu từ nguồn ghi thu học phí: 56.000 triệu đồng.

- Thu từ nguồn thu viện phí: 560.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Dự toán thu ngân sách địa phương: 9.858.929 triệu đồng.

a) Dự toán thu trong cân đối: 8.642.929 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu được hưởng 100%: 1.314.050 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ 51%: 7.328.879 triệu đồng.

b) Dự toán thu để lại quản lý qua NSNN: 1.216.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.

- Ghi thu học phí: 56.000 triệu đồng.

- Ghi thu viện phí: 560.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm)

3. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 9.858.929 triệu đồng.

a) Tổng dự toán chi trong cân đối ngân sách: 8.642.929 triệu đồng.

(Chưa bao gồm chi chương trình mục tiêu quốc gia và chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương).

Trong đó:

- Dự toán chi đầu tư phát triển:	2.302.000 triệu đồng.
+ Chi XD CB nguồn vốn tập trung:	1.950.000 triệu đồng.
+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	350.000 triệu đồng.
* Chi XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	140.000 triệu đồng.
* Chi bổ sung vốn quỹ phát triển nhà:	105.000 triệu đồng.
* Chi bổ sung vốn quỹ phát triển đất:	105.000 triệu đồng.
+ Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ:	2.000 triệu đồng.
- Dự toán chi thường xuyên:	5.463.252 triệu đồng.
+ Chi trợ giá về vận chuyển xe buýt hành khách công cộng:	20.500 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	822.752 triệu đồng.
<i>(Trong đó: Chi sự nghiệp quản lý môi trường: 318.894 triệu đồng).</i>	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	2.481.469 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp y tế:	588.116 triệu đồng.
<i>(Trong đó: chi bảo hiểm xã hội sự nghiệp y tế: 161.000 triệu đồng).</i>	
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	61.050 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình:	123.089 triệu đồng.
+ Chi phát thanh truyền hình:	20.220 triệu đồng.
+ Chi đảm bảo xã hội:	309.643 triệu đồng.
+ Chi quản lý hành chính:	721.175 triệu đồng.
+ Chi an ninh - quốc phòng:	219.536 triệu đồng.
+ Chi khác ngân sách:	95.585 triệu đồng.
<i>(Trong đó: Chi trang bị phương tiện làm việc, trợ cấp Tết, ...: 24.406 triệu đồng).</i>	
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	615.477 triệu đồng.
- Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	259.290 triệu đồng.

- b) Dự toán chi quản lý qua ngân sách: 1.216.000 triệu đồng.
- Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.
 - Ghi chi học phí: 56.000 triệu đồng.
 - Ghi chi viện phí: 560.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm)

Riêng đối với nguồn bổ sung từ ngân sách Trung ương có mục tiêu là 231 tỷ đồng; sau khi có hướng dẫn cụ thể của Trung ương, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phân bổ nguồn vốn trên trong quý I năm 2012 và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh cho các Sở, ban, ngành khối tỉnh: 2.210.586 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 đính kèm)

5. Mức bổ sung ngân sách cấp dưới: 2.591.117 triệu đồng. Bao gồm:

- Thành phố Biên Hòa: 95.911 triệu đồng.
- Thị xã Long Khánh: 239.675 triệu đồng.
- Huyện Tân Phú: 341.376 triệu đồng.
- Huyện Định Quán: 387.015 triệu đồng.
- Huyện Vĩnh Cửu: 216.183 triệu đồng.
- Huyện Long Thành: 190.067 triệu đồng.
- Huyện Nhơn Trạch: 157.979 triệu đồng.
- Huyện Xuân Lộc: 181.914 triệu đồng.
- Huyện Thống Nhất: 240.615 triệu đồng.
- Huyện Trảng Bom: 247.551 triệu đồng.
- Huyện Cẩm Mỹ: 292.831 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 04 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2012 và bố trí trả nợ đến hạn; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán kế hoạch, UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, thống nhất và trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2011.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN, Đài PT-TH ĐN;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Tư

Phụ lục số 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU		NĂM 2011			DỰ TOÁN 2012	S.SÁNH(%)
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 UTH 2011
A		1	2	3	4	5=4/3
* TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		20,080,000	22,598,810	22,641,170	27,251,000	120%
A.	Tổng các khoản thu cân đối ngân sách Nhà nước	19,580,000	21,643,000	21,644,000	26,035,000	120%
1	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	11,950,000	13,250,000	13,251,000	15,900,000	120%
*	Thu nội địa loại trừ thu tiền sử dụng đất	11,450,000	12,700,000	12,943,000	15,550,000	120%
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước trung ương	1,430,000	1,740,000	1,650,000	2,032,000	123%
	- Thuế giá trị gia tăng	760,800	852,000	772,790	932,250	121%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	610,000	788,500	800,000	1,007,000	126%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	1,700	3,000	1,700	2,200	129%
	- Thuế tài nguyên	55,000	66,000	55,000	65,000	118%
	- Thuế môn bài	480	500	510	550	108%
	- Thu khác	2,020	30,000	20,000	25,000	125%
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	1,850,000	2,030,000	1,940,000	2,200,000	113%
	- Thuế giá trị gia tăng	687,870	688,000	491,290	721,300	147%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480,000	548,300	500,000	620,000	124%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	660,000	740,000	900,000	800,000	80%
	- Thuế tài nguyên	20,000	50,000	45,000	55,000	122%
	- Thuế môn bài	635	700	710	700	99%
	- Thu khác	1,495	3,000	3,000	3,000	0%
3	Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4,030,000	4,362,000	4,262,000	5,200,000	122%
	- Thuế giá trị gia tăng	2,143,800	2,178,715	1,500,000	1,959,100	131%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,800,000	2,096,485	2,647,200	3,118,000	118%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	28,500	29,000	40,000	50,000	125%
	- Thuế tài nguyên	200	200	200	200	100%
	- Tiền thuê mặt đất mặt nước	35,000	35,000	50,000	50,000	100%
	- Thuế môn bài	2,500	2,600	2,600	2,700	104%
	- Thu khác	20,000	20,000	22,000	20,000	91%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	2,164,000	2,225,100	2,500,000	3,200,000	128%
	- Thuế giá trị gia tăng	1,723,000	1,730,100	1,911,500	2,549,500	133%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	370,000	403,000	485,000	550,000	113%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	9,000	20,000	20,000	21,000	105%
	- Thuế tài nguyên	15,000	20,000	17,000	22,000	129%
	- Thuế môn bài	37,000	37,000	41,500	38,500	93%
	- Thu khác	10,000	15,000	25,000	19,000	76%
5	Lệ phí trước bạ	320,000	350,000	380,000	410,000	108%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			2,000		
7	Thuế nhà đất	40,000	40,000	40,000	50,000	125%

NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU		NĂM 2011			DỰ TOÁN 2012	S.SÁNH(%)
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 UTH 2011
8	Thuế thu nhập cá nhân	1,300,000	1,585,000	1,700,000	2,000,000	118%
9	Thu phí và lệ phí	90,000	103,500	120,000	165,000	138%
10	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			1,700		0%
11	Tiền sử dụng đất	500,000	550,000	308,000	350,000	114%
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	50,000	75,500	85,000	80,000	94%
13	Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước			8,000		
14	Thu phí xăng dầu	90,000	90,000	90,000	110,000	122%
15	Thu khác Ngân sách	80,000	92,000	152,300	97,000	64%
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... của ngân sách xã	6,000	6,900	12,000	6,000	50%
II	Thu từ hoạt động Xuất Nhập Khẩu	7,630,000	8,393,000	8,393,000	10,135,000	121%
III	Thu huy động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	0		0	0	
B	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	500,000	955,810	997,170	1,216,000	122%
	- Thu lĩnh vực Xổ số kiến thiết	500,000	500,000	541,360	600,000	111%
	- Ghi thu học phí		27,810	27,810	56,000	201%
	- Ghi thu viện phí		428,000	428,000	560,000	131%
	** TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7,240,382	9,256,002	9,293,296	9,858,929	106%
A	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	6,740,382	8,257,477	8,294,771	8,642,929	104%
	- Các khoản thu 100%	1,283,310	1,441,500	1,331,520	1,314,050	99%
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	5,377,072	5,931,661	6,078,935	7,328,879	121%
	- Thu bổ sung từ NSTW đầu năm	80,000	80,000	80,000		
	- Bổ sung chương trình mục tiêu Quốc gia		70,414	70,414		
	- Thu từ NSTW cho NSDP (dự án cầu Hóa An)		100,000	100,000		
	- Thu từ nguồn vay ưu đãi kiên cố hóa kênh mương		20,000	20,000		
	- Hỗ trợ công tác bầu cử		17,885	17,885		
	- Thu từ nguồn thường vượt thu dự toán năm 2010		338,713	338,713		
	- Thu từ nguồn trung ương bổ sung thực hiện miễn, giảm thuế 2009		145,572	145,572		
	- Thu từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2010		64,732	64,732		
	- Nguồn trái phiếu chính phủ 2011		47,000	47,000		
B	Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN	500,000	998,525	998,525	1,216,000	122%
	- Thu lĩnh vực Xổ số kiến thiết	500,000	542,715	542,715	600,000	111%
	- Ghi thu học phí		27,810	27,810	56,000	201%
	- Ghi thu viện phí		428,000	428,000	560,000	131%



Phụ lục số 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI		DỰ TOÁN 2011			DỰ TOÁN NĂM 2012	SO SÁNH (%)		CHI TIẾT CÂN ĐỐI	
		ĐẦU NĂM	SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 DT 11 ĐN	DT 2012 DT 11 BS	KHỐI TỈNH	KHỐI HUYỆN, XÃ
A		1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	5	6
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		7,240,382	8,839,933	9,153,607	9,858,929	136%	112%	5,615,986	4,242,943
A	Các khoản chi trong cân đối	6,740,382	7,841,408	8,155,082	8,642,929	128%	110%	4,399,986	4,242,943
1	Chi Đầu tư phát triển	2,282,000	2,792,203	2,792,203	2,302,000	101%	82%	1,459,000	843,000
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	1,700,000	1,700,000	1,700,000	1,950,000	115%	115%	1,177,000	773,000
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500,000	500,000	500,000	350,000	70%	70%	280,000	70,000
Trong đó:									
	+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản	200,000	200,000	200,000	140,000	70%	70%	70,000	70,000
	+ Chi thành lập quỹ phát triển nhà ở	150,000	150,000	150,000	105,000	70%	70%	105,000	
	+ Chi thành lập quỹ phát triển đất	150,000	150,000	150,000	105,000	70%	70%	105,000	
3	Chi XDCB từ chương trình mục tiêu	0	6,000	6,000	0			0	
4	Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương	80,000	80,000	80,000	0				
5	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2,000	2,000	2,000	2,000	100%	100%	2,000	0
6	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương và địa phương		504,203	504,203	0				
II	Chi thường xuyên	4,205,662	4,796,485	5,110,159	5,463,252	130%	114%	2,210,586	3,253,666
1	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	16,500	20,500	20,500	20,500	124%	100%	20,500	0
2	Chi sự nghiệp kinh tế	506,927	586,594	591,942	822,752	162%	140%	457,705	365,047
Trong đó:									
	- Chi sự nghiệp nông nghiệp	85,176	86,273	86,820	103,370	121%	120%	60,749	42,621
	- Chi sự nghiệp lâm nghiệp	47,431	47,448	47,448	57,883	122%	122%	37,837	20,046
	- Chi sự nghiệp thủy lợi	15,122	16,572	16,572	20,206	134%	122%	13,028	7,178
	- Chi sự nghiệp giao thông	69,293	70,102	71,210	76,788	111%	110%	44,096	32,692
	- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	36,172	99,936	99,936	92,900	257%	93%	0	92,900
	- Chi sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61,246	62,307	62,900	66,831	109%	107%	50,000	16,831
	- Chi sự nghiệp công thương	10,439	11,003	11,082	13,500	129%	123%	13,500	0
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	136,500	147,405	150,427	318,894	234%	216%	172,495	146,399
	- Chi cho công tác quy hoạch	40,000	40,000	40,000	60,000	150%	150%	60,000	0
	- Chi sự nghiệp khác	5,548	5,548	5,548	12,380	223%	223%	6,000	6,380
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1,932,630	2,050,821	2,262,042	2,481,469	128%	121%	627,554	1,853,915

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI		DỰ TOÁN 2011			DỰ TOÁN NĂM 2012	SO SÁNH (%)		CHI TIẾT CÂN ĐỐI	
		ĐẦU NĂM	SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 DT 11 ĐN	DT 2012 DT 11 BS	KHỐI TỈNH	KHỐI HUYỆN, XÃ
A		1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	5	6
	- Chi sự nghiệp giáo dục	1,718,963	1,806,016	1,996,251	2,199,915	128%	122%	368,000	1,831,915
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	213,667	244,805	265,791	281,554	132%	115%	259,554	22,000
4	Chi sự nghiệp y tế	539,176	616,017	650,470	588,116	109%	95%	577,116	11,000
	- Chi sự nghiệp y tế ngành	378,176	402,350	436,803	427,116	113%	106%	427,116	0
	- Chi sự nghiệp y tế (bảo hiểm y tế)	161,000	213,667	213,667	161,000	100%	75%	150,000	11,000
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53,000	54,113	54,289	61,050	115%	113%	55,550	5,500
6	Chi sự nghiệp văn hoá - thể thao - du lịch - gia đình	105,508	115,468	117,371	123,089	117%	107%	63,686	59,403
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	19,863	19,863	20,337	20,220	102%	102%	0	20,220
8	Chi đảm bảo xã hội	182,499	330,239	330,953	309,760	170%	94%	101,500	208,260
9	Chi quản lý hành chính	673,173	730,232	777,655	721,175	107%	99%	231,590	489,585
	- Chi quản lý Nhà nước	522,068	577,533	622,958	577,447	111%	100%	159,524	417,923
	- Chi hoạt động của các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị xã hội	90,984	91,814	93,266	90,840	100%	99%	55,000	35,840
	- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60,121	60,885	61,431	52,888	88%	87%	17,066	35,822
10	Chi an ninh - quốc phòng	123,901	187,293	199,256	219,536	177%	117%	43,100	176,436
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50,542	88,647	93,313	86,576	171%	98%	12,200	74,376
	- Chi quốc phòng địa phương	73,359	98,646	105,943	132,960	181%	135%	30,900	102,060
11	Chi khác ngân sách	52,485	85,345	85,345	95,585	182%	112%	32,285	63,300
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50,000	50,000	50,000	615,477			586,462	29,015
IV	Chi trả nợ theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN								
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ Tài chính	2,910	2,910	2,910	2,910	100%	100%	2,910	
VI	Dự phòng ngân sách	199,810	199,810	199,810	259,290	130%	130%	141,028	118,262
B	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500,000	998,525	998,525	1,216,000	243%	122%	1,216,000	
	Trong đó:								
	- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500,000	542,715	542,715	600,000	120%	111%	600,000	0
	- Chi từ nguồn ghi thu học phí		27,810	27,810	56,000		201%	56,000	
	- Chi từ nguồn ghi thu viện phí		428,000	428,000	560,000		131%	560,000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỎI TỈNH NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG:	17,267	2,210,586
I	CHI QUỐC PHÒNG	0	30,900
II	CHI AN NINH	0	12,200
1	Công an tỉnh		10,200
2	CA phòng cháy chữa cháy		2,000
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	5,019	627,554
1	Chi sự nghiệp giáo dục	4,323	368,000
a	SN giáo dục	4,323	291,000
b	Dự phòng		77,000
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	696	259,554
IV	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	8,680	577,116
1	Chi sự nghiệp y tế toàn ngành	8,680	421,116
2	Ban Bảo vệ Sức khỏe		6,000
3	Bảo hiểm Y tế		150,000
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	24	55,550
1	Sở Khoa học - công nghệ	24	51,050
2	Sở TT-TT		4,500
VI	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA	292	39,246
1	Chi SN Văn hóa	256	34,346
2	Chi SN du lịch	12	1,700
3	Chi SN gia đình		1,700
4	Nhà thiếu nhi	24	1,500
VII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	63	24,440
1	Chi SN thể dục - thể thao	63	10,660
2	Hỗ trợ kinh phí đội bóng đá		13,780
VIII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		101,500
1	Chi đảm bảo xã hội	244	90,500
2	Bảo hiểm thất nghiệp		11,000
IX	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	498	285,210
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	349	111,614
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	232	37,837
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	117	60,749
c	Sự nghiệp thủy lợi		13,028
2	Chi sự nghiệp công thương	33	13,500
a	- Trung tâm Khuyến công	16	6,000
b	- Trung tâm Xúc tiến thương mại	17	6,000
c	- VP sở		1,500
3	Chi sự nghiệp giao thông	77	44,096
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	39	50,000
a	Sự nghiệp địa chính, đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản		50,000
5	Sự nghiệp quy hoạch		60,000

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
6	Sự nghiệp kinh tế khác		6,000
X	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	330	172,495
1	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	330	32,575
2	Sở Tài nguyên môi trường		129,000
3	Các ngành		10,920
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	2,232	231,590
A	Chi QLNN	1,777	159,524
1	VP HĐND Tỉnh	34	7,709
	- TX	34	2,709
	- KPHĐ của HĐND		5,000
2	VP UBND Tỉnh	100	14,232
	- TX	100	6,732
	- KPHĐ của UBND		7,500
3	Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng	11	1,382
	- TX	11	882
	- Kinh phí ngoài khoán		500
4	Sở Thông tin và Truyền thông	32	2,390
	- TX	32	2,140
	- Chi nghiệp vụ		250
5	Sở Nội vụ	87	13,980
	a - VP Sở	40	3,539
	- TX	40	2,939
	- Chi nghiệp vụ		600
	b - Ban Thi đua khen thưởng	16	8,008
	- TX	16	1,008
	- Tiền Khen thưởng		7,000
	c - Ban Tôn giáo	24	1,804
	- TX	24	1,504
	- Kinh phí đặc thù		300
	d - Chi cục VT Lưu Trữ	7	629
	+ TX	7	629
	+ Chi nghiệp vụ		
6	Sở Kế hoạch đầu tư	76	5,408
	- TX	76	4,708
	- Kinh phí ngoài khoán		700
	- Vì sự tiến bộ của phụ nữ		
7	Sở Khoa học - công nghệ	58	3,843
	a - VP Sở	48	3,262
	- TX	48	3,262
	b - Chi cục TCĐL chất lượng	10	581
	- TX	10	581
8	Thanh tra nhà nước	43	3,552
	- TX	43	3,152
	- Kinh phí ngoài khoán		400
9	Sở Công thương	201	16,073
	a - VP Sở	60	5,060
	- TX	60	4,560
	- Kinh phí ngoài khoán		500
	b - Chi cục quản lý thị trường	141	11,013
	- TX	141	10,863
	- Trang phục		150

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
	- TX	15	1,125
	- Kinh phí ngoài khoán		200
18	Sở Lao động TBXH	84	6,630
	a - Văn phòng Sở	58	4,990
	+ TX	58	4,990
	b - Chi cục BHXH- BV, CSTE	17	1,037
	+ TX	17	1,037
	c - Chi cục PCTN xã hội	9	603
	+ TX	9	603
19	Ban Dân tộc	27	3,232
	- TX	27	1,732
	- KPHĐ đặc thù (tặng quà +BCĐ134,135, phụ cấp già làng ,tổ công tác BT		1,500
20	Sở Giáo dục - đào tạo	69	5,588
	- TX	69	5,588
21	Sở Ngoại vụ	34	4,485
	- TX	34	2,185
	- KPHĐ đặc thù, in bản tin		2,300
22	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	71	4,454
	- TX	71	4,454
B	Đảng	263	55,000
	- Tỉnh ủy	263	55,000
C	Chi Đoàn thể, hội quần chúng	192	17,066
1	UBMT Tổ quốc	29	3,023
	- TX	29	2,423
	- Kinh phí nghiệp vụ		600
2	Tỉnh đoàn	36	2,487
	- TX	36	2,487
3	Hội phụ nữ	21	1,853
	- TX	21	1,853
4	Hội nông dân	22	1,860
	- TX	22	1,860
5	Hội cựu chiến binh	17	1,560
	- TX	17	1,360
	- Kinh phí Đại hội		200
6	Hội nhà báo	4	401
	- TX	4	301
	- Nghiệp vụ báo; Giải thưởng ngòi viết vàng;		100
7	Hội Văn học nghệ thuật	6	538
	- TX	6	388
	- Kinh phí Đại hội		150
8	Hội chữ thập đỏ	12	1,147
	- TX	12	847
	- KP hiến máu nhân đạo		300
9	Liên minh Hợp tác xã	17	1,604
	- TX	17	1,024
	- In đặc san:		180
	- Phát triển KTTT		400
10	Hội Luật gia	3	200
	- TX	3	200
11	Hội người mù	10	526

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
	- TX	10	526
12	Liên Hiệp Hội KHKT Đồng Nai	4	770
	- TX	4	420
	- Kinh phí tư vấn phân biện giám định xã hội		350
13	Hội khuyến học	-	300
	- TX		300
14	Hội Cựu Thanh niên xung phong	-	200
	- TX		200
15	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ Dioxin	5	352
	- TX	5	352
16	Hội Người cao tuổi	6	244
	- TX	6	244
XII	CHI TRỢ GIÁ CÁC MẶT HÀNG CHÍNH SÁCH	-	20,500
XIII	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	129	32,285
1	Sở Tư pháp	74	2,618
	a - TT dịch vụ bán đấu giá	10	200
	- TX	10	200
	b - TT Trợ giúp pháp lý	32	1,801
	- TX	32	1,801
	c - Phòng CC số 2,3	32	617
	+ TX	32	617
2	Tỉnh đoàn	-	300
	- TT Sinh hoạt văn hoá TTN	-	300
	+ TX		300
3	Liên minh Hợp tác xã		150
	- TT Dịch vụ HTX và DN	-	150
	+ TX		150
4	VP UBND tỉnh	26	2,673
	- TT Tin học - Ngoại ngữ	14	749
	+ TX	14	749
	- TT Công báo	12	1,924
	+ TX	12	724
	- Phát hành công báo		1,200
6	Sở Thông tin và Truyền thông	17	1,380
	- TT Công nghệ thông tin và TT	17	580
	+ TX		580
	Nhà Xuất bản	-	800
	+ TX		800
7	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	12	654
	- TT Đào tạo CULĐ Kỹ thuật	12	654
	+ TX	12	654
8	Sở Kế hoạch đầu tư		104
	- Trung tâm tư vấn		104
9	Chi khác		24,406

THÀNH BÔNG

Phụ lục số 04

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2012**

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, xã được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện, xã	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã và ngân sách xã, phường thị trấn thuộc tỉnh			
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó Vốn nước ngoài
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7
1	Thành phố Biên Hòa	1,493,500	708,756	820,583	95,911	0	95,911	
2	Thị xã Long Khánh	162,200	77,123	316,798	239,675	239,675		
3	Huyện Tân Phú	62,300	36,151	377,527	341,376	341,376		
4	Huyện Định Quán	72,000	38,517	425,532	387,015	387,015		
5	Huyện Vĩnh Cửu	145,700	76,246	292,429	216,183	216,183		
6	Huyện Long Thành	264,600	124,564	314,632	190,067	190,067		
7	Huyện Nhơn Trạch	236,200	92,948	250,927	157,979	157,979		
8	Huyện Xuân Lộc	400,000	202,740	397,753	181,914	181,914		
9	Huyện Thống Nhất	98,500	48,629	289,244	240,615	240,615		
10	Huyện Trảng Bom	284,650	121,362	368,913	247,551	247,551		
11	Huyện Cẩm Mỹ	52,250	25,550	318,382	292,831	292,831		
TỔNG SỐ		3,271,900	1,552,584	4,172,720	2,591,117	2,495,206	95,911	0

Ghi chú:

1. Tiền sử dụng đất giao nhiệm vụ thu cho các huyện 350.000 triệu đồng theo quy định tỷ lệ điều tiết 20% cho ngân sách cấp huyện thì ngân sách cấp huyện được 70.000 triệu đồng (không nằm trong thu cân đối ngân sách).
2. Bổ sung cân đối ngân sách nêu trên bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã.
3. Số bổ sung ngân sách do chênh lệch giữa thu - chi cân đối đã loại trừ chi từ nguồn cải cách tiền lương trong tổng chi cân đối của 02 đơn vị thành phố Biên Hòa và huyện Xuân Lộc.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc

Phụ lục số 05
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2012 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRĂNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐÌNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
		1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	4,242,720	840,583	295,629	381,913	292,244	426,632	377,827	322,798	399,753	319,781	321,631	263,927
*	TỔNG CHI NSDP (A+B+C)	4,242,720	840,583	295,629	381,913	292,244	426,632	377,827	322,798	399,753	319,781	321,631	263,927
A	CHI TRONG CÂN ĐỐI	4,143,705	804,667	292,429	368,913	289,244	425,532	377,527	316,798	384,654	318,381	314,631	250,927
I	Chi đầu tư phát triển	773,000	115,000	64,500	65,000	64,500	66,500	65,500	67,500	67,000	66,500	66,000	65,000
	Chi XDCB từ nguồn vốn tập trung	773,000	115,000	64,500	65,000	64,500	66,500	65,500	67,500	67,000	66,500	66,000	65,000
II	Chi thường xuyên	3,252,666	668,882	219,412	293,168	216,319	346,638	301,032	240,071	306,451	242,608	239,467	178,648
1	Sự nghiệp kinh tế	365,047	148,771	22,289	22,416	17,301	20,578	18,666	36,102	19,586	15,234	24,642	18,462
	Trong đó:												
	- Chi kiến thiết thị chính	92,900	55,000	5,000	3,000	2,700	2,300	2,300	8,000	2,300	2,300	5,000	5,000
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	146,399	78,584	8,688	5,000	5,975	5,398	5,398	20,000	2,256	1,700	8,300	5,100
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	1,853,915	353,504	124,770	174,206	127,029	223,637	177,130	126,343	185,768	145,412	129,524	86,592
	- Chi sự nghiệp giáo dục	1,831,915	351,504	122,770	172,206	125,029	221,637	175,130	124,343	183,768	143,412	127,524	84,592
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	22,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	5,500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500
4	Văn hoá, thông tin, thể thao, du lịch và gia đình	59,403	12,712	4,500	6,013	4,000	5,349	4,682	3,494	5,973	3,969	4,755	3,956
5	Sự nghiệp y tế (chi bảo hiểm xã hội)	11,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
6	Phát thanh truyền hình	20,220	4,591	1,283	2,020	1,238	1,693	1,694	1,228	2,089	1,436	1,613	1,335

S T T	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRĂNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐÌNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
		1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B												
7	Đảm bảo xã hội	208,260	34,903	10,200	19,035	14,659	29,056	24,288	13,449	23,345	15,495	13,994	9,836
8	Chi an ninh - quốc phòng	176,436	30,722	12,270	16,878	11,206	16,787	18,234	12,023	16,814	13,589	15,589	12,324
	- An ninh	74,376	10,733	5,302	7,092	4,738	7,575	8,854	4,745	7,087	6,117	6,967	5,166
	- Quốc phòng	102,060	19,989	6,968	9,786	6,468	9,212	9,380	7,278	9,727	7,472	8,622	7,158
9	Quản lý hành chính	489,585	72,179	38,000	45,000	35,386	42,838	48,438	40,432	45,876	40,073	42,350	39,013
	- Quản lý Nhà nước	417,923	61,334	32,297	38,745	29,905	33,414	37,782	34,895	42,204	36,894	37,086	33,367
	- Đảng	35,840	4,214	2,714	2,819	2,760	5,997	6,781	2,546	1,473	1,097	2,683	2,756
	- Đoàn thể	35,822	6,631	2,989	3,436	2,721	3,427	3,875	2,991	2,199	2,082	2,581	2,890
10	Chi khác ngân sách	63,300	10,000	4,600	6,100	4,000	5,200	6,400	5,500	5,500	5,900	5,500	4,600
III	Dự phòng ngân sách (huyện, xã)	118,039	20,785	8,517	10,745	8,425	12,394	10,996	9,227	11,204	9,273	9,164	7,309
B	CHI TẠO NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	29,015	15,916	0	0	0	0	0	0	13,099	0	0	0
C	CHI TỪ NGUỒN THU TIỀN SD ĐẤT	70,000	20,000	3,200	13,000	3,000	1,100	300	6,000	2,000	1,400	7,000	13,000



TỜ TRÌNH

Về đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2012

Phần I

**ĐÁNH GIÁ ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHI
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011**

Căn cứ Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 06/01/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 187/2010/NQ-HĐND ngày 9/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011 trong giai đoạn kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội;

Năm 2011 là năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2011 - 2015, của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2011 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới dự báo còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức,... đồng thời phải thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát, thắt chặt tiền tệ,...

Do đó ngay từ đầu năm UBND tỉnh một mặt đã chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết 11/CP, tạo điều kiện và tháo gỡ khó khăn nhằm giúp các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, mặt khác chỉ đạo ngành tài chính: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và các ngành liên quan đánh giá, rà soát lại các nguồn thu dự kiến bị tác động bởi các chính sách của nhà nước, tăng cường thực hiện thu ngân sách trên toàn địa bàn tỉnh, dự kiến và lường trước việc ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, nhất là các chính sách thu nội địa khi thực hiện các chính sách thuế; đồng thời tìm ra các nguyên nhân tác động đến số thu ngân sách để có giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2011 từ đó đạt được những kết quả khả quan.

Thực hiện Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 15/07/2011 của HĐND Tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2011;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai báo cáo tình hình ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Về ước thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2011:

1. Ước thực hiện thu NSNN năm 2011: 22.641.170 triệu đồng.

(Có phụ lục số 01 đính kèm)

Đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 15% so cùng kỳ.

Trong đó:

a) Ước thực hiện thu NSNN trong cân đối: 21.644.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 14% so cùng kỳ.

Bao gồm:

- Ước thực hiện thu nội địa đạt: 13.251.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 13% so với cùng kỳ.

** Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì ước thực*

hiện thu nội địa là: 12.943.000 triệu đồng.

Đạt 102% dự toán điều chỉnh và tăng 19% so với cùng kỳ.

- Ước thực hiện thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 8.393.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 15% so với cùng kỳ.

b) Ước thực hiện các khoản thu được để lại chi

quản lý qua ngân sách: 997.170 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu từ lĩnh vực hoạt động xổ số kiến thiết: 541.360 triệu đồng.

Đạt 108% dự toán điều chỉnh.

- Ghi thu học phí: 27.810 triệu đồng.

- Ghi thu viện phí: 428.000 triệu đồng.

2. Đánh giá tình hình ước thu ngân sách nhà nước năm 2011:

a) Về ước thực hiện thu NSNN trong cân đối:

*** Ước thu nội địa:**

Có 12/16 lĩnh vực ước thực hiện đạt và vượt dự toán năm. Bao gồm:

Thu lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 112% dự toán điều chỉnh và tăng 26% so cùng kỳ, lệ phí trước bạ đạt 109% dự toán điều chỉnh và tăng 12% so cùng kỳ, thuế nhà đất đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 06% so cùng kỳ, thuế thu nhập cá nhân đạt 107% dự toán điều chỉnh và tăng 40% so cùng kỳ, thu phí lệ phí đạt 116% dự toán điều chỉnh, tiền thuê mặt

đất, mặt nước đạt 113% dự toán điều chỉnh và tăng 22% so cùng kỳ, thu phí giao thông qua xăng dầu đạt 100% dự toán điều chỉnh và tăng 20% so cùng kỳ, thu khác ngân sách và thu hoa lợi công sản... tại xã đạt 174% dự toán điều chỉnh.

Có 03 lĩnh vực thu chỉ đạt trên 90% dự toán điều chỉnh gồm: thu lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước trung ương đạt 95% dự toán điều chỉnh, thu lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 96% dự toán điều chỉnh, thu lĩnh vực xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98% dự toán điều chỉnh. Riêng về lĩnh vực thu tiền sử dụng đất ước thu được 308.000 triệu đồng đạt 56% dự toán điều chỉnh và bằng 36% so cùng kỳ.

Về khối huyện, có 08 huyện và thị xã Long Khánh ước thực hiện thu đạt và vượt dự toán năm 100% dự toán điều chỉnh. Riêng 02 đơn vị ước thực hiện dự toán thu đạt trên 90% dự toán điều chỉnh là Thành phố Biên Hòa đạt 96% dự toán điều chỉnh (*trong đó ước thu lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 82% dự toán điều chỉnh*) và huyện Trảng Bom đạt 93% dự toán điều chỉnh (*trong đó ước thu lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 103% dự toán điều chỉnh; lĩnh vực thu tiền sử dụng chỉ ước đạt 53% dự toán điều chỉnh*).

*** Một số thuận lợi và khó khăn trong tổ chức thực hiện thu nội địa:**

+ Thuận lợi:

- Thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ngay từ đầu năm đã triển khai đồng bộ các giải pháp, biện pháp điều hành, quản lý thực hiện dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2011; Mặt khác nhờ sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của cấp ủy, UBND các cấp chính quyền địa phương và cơ sở cũng đã góp phần tác động tích cực trong việc tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước. Mặt khác, các ngành và chính quyền địa phương chủ động phối hợp thực hiện công khai, minh bạch các chính sách, thủ tục về thuế nâng cao tính tích cực trong khai thác và nuôi dưỡng nguồn thu cũng như vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện nghĩa vụ thuế ở cơ sở ngày càng được phát huy.

- Nhận thức sâu sắc Nghị quyết 11/NQ-CP, UBND tỉnh đã nhanh chóng chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai và xây dựng các giải pháp thực hiện có hiệu quả trong lĩnh vực tiết kiệm chi tiêu công, thắt chặt tiền tệ, đảm bảo an sinh xã hội. Song song bên cạnh đó cũng đã tổ chức nhiều buổi gặp gỡ các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, thúc đẩy mở rộng thị trường... Do vậy mặc dù bối cảnh nền kinh tế trong nước và ngoài nước còn có khó khăn nhưng kinh tế Đồng Nai vẫn duy trì mức tăng trưởng 13,2%. Đây là nguyên nhân cơ bản và sâu xa để thu ngân sách trên toàn tỉnh đạt và vượt dự toán pháp lệnh.

- Đã triển khai kịp thời nhiều biện pháp quản lý thu, chủ động khai thác tốt các nguồn thu như: theo dõi sát khâu cấp phép thành lập doanh nghiệp để

đôn đốc thu kịp thời các khoản thuế nhà thầu phát sinh trong quá trình xây dựng; kiểm tra, kiểm soát số lượng doanh nghiệp mới thành lập để đưa vào diện quản lý, kê khai nộp thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quyết toán thuế; tăng cường thu hồi nợ đọng...

Đối với công tác hoàn thuế, đã đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đủ điều kiện hoàn thuế, thông qua đó công tác thu nộp ngân sách cũng được thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nguồn để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, nhất là đối với những doanh nghiệp nợ thuế.

- Biện pháp quản lý thuế của cơ quan thuế các cấp ngày càng nâng cao, đồng thời đối tượng nộp thuế ngày càng nắm bắt chính sách thuế tốt hơn, nên việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định trong Thông tư số 157/TT-BTC ngày càng hiệu quả hơn.

- Triển khai kịp thời Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giãn nộp thuế thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011 cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để giúp các doanh nghiệp an tâm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vai trò của doanh nghiệp đã chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất và tài chính cho phù hợp với tình hình thực tế, cơ cấu lại vốn đầu tư hợp lý và hiệu quả, tổ chức khai thác và tìm thị trường mới... Nhờ đó mà các doanh nghiệp đã duy trì được sản xuất, nhiều doanh nghiệp có tăng trưởng cao.

+ Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp: giá cả xăng dầu, giá vàng, lương thực và một số nguyên liệu cơ bản,...không có dấu hiệu dự báo giảm, tỷ giá đồng ngoại tệ, lãi suất ngân hàng vẫn chưa giảm làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khiến tình hình tài chính của các doanh nghiệp gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến số nộp ngân sách nhà nước.

- Thực hiện các chính sách giảm, giãn thu của nhà nước như thực hiện giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do thực hiện Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg gia hạn 12 tháng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Thực hiện công văn số 2194/TCT-DT ngày 27/6/2011 ngày của Tổng Cục thuế về việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho các đối tượng đã thực hiện Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg và mở rộng thêm một số ngành nghề được thực hiện giảm, giãn thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn thuế thu nhập cá nhân trong quý IV năm 2011.

Về lĩnh vực thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán, nguyên nhân là do một số dự án chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai, một số dự án đã có thông báo nhưng chủ đầu tư chưa nộp vào ngân sách. Ngoài ra còn do chính sách thắt chặt tiền tệ, hạn chế cho vay đối với bất động sản.

*** Về lĩnh vực xuất nhập khẩu:** ước thực hiện dự toán thu năm 2011 đạt 100% so dự toán điều chỉnh, tăng 15% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu: ước thu đạt 100% so dự toán điều chỉnh và tăng 17% so cùng kỳ.

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: ước thu đạt 100% so dự toán điều chỉnh và tăng 14% so cùng kỳ.

Nguyên nhân của việc ước thực hiện đạt được một số kết quả như trên là một phần là do tác động của thị trường. Ngoài ra do còn do công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra, kiểm soát, chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại đã được triển khai thực hiện hiệu quả.

Song song đó, công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai đẩy mạnh thủ tục hải quan điện tử được sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác chặt chẽ từ phía cộng đồng doanh nghiệp, mang lại hiệu quả thiết thực, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên bên cạnh thuận lợi, lĩnh vực thu xuất nhập khẩu vẫn còn những khó khăn như tốc độ phục hồi rất chậm của nền kinh tế thế giới và một số nước trong khu vực có ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế với Việt Nam, việc cắt giảm thuế quan khi tham gia ký kết các hiệp định ưu đãi thuế quan (WTO, Asean - Trung Quốc 2009 - 2011; Asean - Hàn Quốc,...).

b) Về ước thực hiện thu quản lý qua ngân sách: 997.170 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 541.360 triệu đồng.

Tăng 08% dự toán điều chỉnh.

II. Về tình hình ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2011:

Năm 2011, nhìn chung các cấp ngân sách đều bám sát nội dung phân bổ dự toán của Hội đồng nhân dân, đảm bảo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các địa phương chủ động sử dụng kinh phí ngân sách trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

1. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 9.153.607 triệu đồng.

Đạt 104% dự toán điều chỉnh.

(có phụ lục số 02 đính kèm)

a) Ước thực hiện chi trong cân đối ngân sách: 8.155.082 triệu đồng.

Đạt 104% dự toán điều chỉnh.

Trong đó:

- Ước thực hiện chi đầu tư phát triển: 2.792.203 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh.

Trong đó:

+ Ước chi xây dựng cơ bản từ nguồn tập trung: 1.700.000 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh.

- Ước thực hiện chi thường xuyên: 5.110.159 triệu đồng.

Đạt 107% dự toán điều chỉnh.

- Ước thực hiện chi từ dự phòng ngân sách: 199.810 triệu đồng.

Tính đến thời điểm tháng 10/2011, dự phòng ngân sách cấp tỉnh đã chi 33.480 triệu đồng trong đó chủ yếu là chi cho công tác phòng, chống, dập dịch gia cầm, sốt xuất huyết và dịch tay, chân, miệng.

Dự kiến từ nay đến cuối năm sẽ sử dụng hết nguồn dự phòng ngân sách cho công tác dập dịch và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh khác.

b) Chi quản lý qua ngân sách: 998.525 triệu đồng.

- Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 542.715 triệu đồng.

Đạt 100% dự toán điều chỉnh và bằng 89% so với cùng kỳ.

- Ghi chi học phí: 27.810 triệu đồng.

- Ghi chi viện phí: 428.000 triệu đồng.

2. Đánh giá tình hình ước thực hiện chi ngân sách địa phương:

a) Chi đầu tư phát triển:

Về quy trình chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 đã có những chuyển biến tích cực như các chủ đầu tư và nhà thầu đã quan tâm phối hợp lập thủ tục giải ngân kịp thời nên kết quả thực hiện giải ngân đạt kết quả cao.

Về tiến độ thực hiện chi xây dựng cơ bản vẫn còn gặp một số khó khăn như giá cả một số vật tư, vật liệu chủ yếu tăng, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn gặp một số khó khăn, vướng mắc...

UBND tỉnh đã triển khai nghiêm việc thực hiện cắt giảm đầu tư công theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Cắt giảm các công trình khởi công mới thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung đưa vào dự phòng chưa có công trình chuyển tiếp để bố trí, số tiền: 298.671 triệu đồng.

+ Cắt giảm các công trình khởi công mới thuộc nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn thu vượt dự toán thu nội địa đưa vào dự phòng chưa có công trình chuyển tiếp để bố trí, số tiền: 18.676 triệu đồng.

Trong quý IV/2011, được sự thống nhất của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh sẽ triển khai một số dự án, công trình cấp bách trong năm 2011 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm

đảm bảo an sinh xã hội và phát triển hạ tầng xã điểm nông thôn mới (theo công văn số 6848/UBND-KT, ngày 07/10/2011) bao gồm 29 dự án thuộc các danh mục dự án cấp bách do UBND tỉnh trực tiếp giao và 250 dự án thuộc các danh mục dự án cấp bách do UBND huyện trực tiếp giao trong đó Biên Hòa 13 dự án, Vĩnh Cửu 8 dự án, Trảng Bom 11 dự án, Thống Nhất 10 dự án, Định Quán 21 dự án, Tân Phú 9 dự án, Long Khánh 23 dự án, Xuân Lộc 71 dự án, Cẩm Mỹ 32 dự án, Long Thành 23 dự án, Nhơn Trạch 29 dự án.

b) Chi thường xuyên:

Để chủ động cân đối cho các nhiệm vụ chi còn thiếu đầu năm, tại kỳ họp thứ 2 - HĐND tỉnh khóa VIII, UBND tỉnh đã điều chỉnh dự toán thu NSNN và cân đối, bổ sung dự toán thu ngân sách tỉnh, chi ngân sách địa phương năm 2011 (đợt 1). Từ đó đảm bảo nguồn ước thực hiện cho các nhiệm vụ chi thường xuyên 5.110.159 triệu đồng, tăng 07% so với dự toán điều chỉnh (nguyên nhân chủ yếu là do tăng mức tiền lương tối thiểu theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP).

Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 591.942 triệu đồng đạt 101% dự toán sau điều chỉnh, trong đó đã tập trung chi cho lĩnh vực kiến thiết thị chính thực hiện giữ gìn xanh, sạch đô thị, chi tiền điện chiếu sáng cho thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh,... và chi cho sự nghiệp quản lý môi trường (tập trung bố trí kinh phí thu gom và xử lý rác thải, đầu tư trang thiết bị hiện đại để xử lý các điểm nóng về môi trường,...).

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: 2.262.042 triệu đồng đạt 110% dự toán sau điều chỉnh, trong đó ngành giáo dục đã tập trung bố trí được cho các dự án, đề án phục vụ nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ chi trả cấp bù học phí theo Nghị định 49/NĐ-CP ngày 04/05/2011 của Chính phủ, hỗ trợ cho công tác khai giảng năm học mới 2011 - 2012.

- Chi sự nghiệp y tế: 650.470 triệu đồng đạt 106% dự toán sau điều chỉnh, trong đó đã thực hiện việc chi trả đủ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định với tổng kinh phí hơn 204.211 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 54.289 triệu đồng đạt 100% dự toán sau điều chỉnh, trong đó chủ yếu thực hiện các đề tài, dự án từ các năm trước chuyển tiếp sang và thực hiện các đề tài, dự án được phê duyệt trong năm 2011.

- Chi lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình: 117.371 triệu đồng, đạt 102% dự toán sau điều chỉnh.

- Chi đảm bảo xã hội: 330.953 triệu đồng, đạt 100% dự toán sau điều chỉnh, trong đó đã đảm bảo chi thực hiện các chính sách, chế độ an sinh, xã hội, hỗ trợ miễn, giảm học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, hỗ trợ đối tượng người cao tuổi tăng thêm từ 80 tuổi đến 85 tuổi theo Nghị định 13/CP,...

- Chi quản lý hành chính: 777.655 triệu đồng, tăng 06% so với dự toán sau điều chỉnh, trong đó đã đảm bảo chi thực hiện các nội dung tăng lương theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP, chi phụ cấp công vụ 10%, chi phụ cấp đặc thù 30% cho các đơn vị khối Đảng, khối Đoàn thể,...

Trong lĩnh vực chi thường xuyên, UBND tỉnh cũng đã triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội như:

- Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô 09 tháng còn lại năm 2011 của tỉnh Đồng Nai với số tiền: 60.617 triệu đồng (*Trong đó: khối tỉnh: 29.253 triệu đồng; khối huyện: 31.364 triệu đồng*), thực hiện việc tạm dừng mua sắm 06 xe ô tô với tổng số tiền là 4.322 triệu đồng.

- Thực hiện việc hỗ trợ 11.957 triệu đồng cho hộ nghèo sử dụng tiền điện theo Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23/02/2011, hỗ trợ khó khăn 20.088 triệu đồng (*Khối tỉnh: 2.276 triệu đồng; Khối huyện: 17.812 triệu đồng*) cho các đối tượng hộ nghèo theo quyết định số 471/QĐ-TTg.

*** Thuận lợi và khó khăn trong điều hành chi ngân sách địa phương:**

+ Thuận lợi:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh có nhiều chủ trương, giải pháp, định hướng chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Chủ động điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tạo điều kiện kịp thời cho các đơn vị khối tỉnh và huyện cân đối kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao. Đảm bảo, bố trí đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương theo đúng quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện luật thực hành tiết kiệm, trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động,...

- Trong công tác điều hành, UBND tỉnh đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, giao ban định kỳ trên cơ sở đó đã xử lý kịp thời những vướng mắc trong chấp hành ngân sách nhất là cấp huyện, thị, thành. Ban hành nhiều văn bản thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ đạo, đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản, rà soát các dự án có tiến độ chậm điều chỉnh sang những dự án có khối lượng đảm bảo công tác giải ngân sử dụng vốn có hiệu quả.

+ Khó khăn:

- Mặc dù UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh bổ sung ngân sách cho một số huyện gặp khó khăn không tự cân đối được và một số đơn vị cấp tỉnh nhưng vẫn chỉ đảm bảo được nhu cầu chi tối thiểu cho công tác quản lý, điều hành ngân sách.

- Các khoản chi phát sinh ngoài dự toán năm 2011 của các đơn vị khối tỉnh nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị tăng cao, một số chính sách an sinh xã hội mới phát sinh trong năm nhưng ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ 50% trong điều kiện thu ngân sách địa phương tăng hạn chế đã gây nhiều khó khăn trong cân đối ngân sách.

*** Tóm lại:** Qua một năm thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh, bổ sung ngân sách cấp dưới, chỉ tiêu về kế hoạch đầu tư và xây dựng, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan ngành Tài chính, Thuế, Kho bạc, Hải quan và các ngành, các cấp nỗ lực tập trung phấn đấu vượt chỉ tiêu thu pháp lệnh và hoàn thành chỉ tiêu phấn đấu.

Mặt khác, UBND tỉnh cũng đã quyết liệt chỉ đạo trong công tác tổ chức, quản lý chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, từ đó đã có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị và đảm bảo ổn định an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Phần II

XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH TỈNH VÀ MỨC BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2012

Căn cứ Chỉ thị số 992/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 15/06/2011 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2012; Thông tư số 83/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/06/2011 về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BKH ngày /11/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTC ngày /11/2011 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2011;

Tỉnh Đồng Nai được Chính phủ giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trong cân đối năm 2012 là 26.015.000 triệu đồng, tăng 109% so với ước thực hiện năm 2011.

Với chỉ tiêu giao dự toán của Trung ương như trên, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VII - kỳ họp thứ 21 về mục tiêu, nguyên tắc phân bổ dự toán năm 2012 như sau:

*** Về thu NSNN trên địa bàn:**

- Dự toán thu NSNN của tỉnh Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở đảm bảo đúng chính sách chế độ thu đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tổ chức thực hiện tốt luật quản lý thuế chống thất thu, trốn lậu thuế, hạn chế nợ đọng thuế.

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đúng theo chỉ tiêu pháp lệnh của Trung ương.

- Dự toán thu nội địa được tính toán xây dựng trên cơ sở chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2012 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và HĐND tỉnh đối với từng ngành, từng lĩnh vực thu, các cơ sở kinh tế của từng địa phương để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo đúng Luật thuế, chế độ thu.

- Dự toán thu nội địa giao nhiệm vụ cho các địa phương theo đúng phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước.

*** Về chi ngân sách địa phương:**

Năm 2012 thực hiện phân bổ dự toán chi theo định mức chi tại Nghị quyết số 191/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong công tác điều hành ngân sách, tiếp tục thực hiện chi ngân sách (kể cả chi đầu tư và chi thường xuyên) trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo cân đối đủ ngân sách cho các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng theo Nghị quyết Ban Chấp hành Tỉnh ủy và Nghị quyết HĐND tỉnh, trong đó ưu tiên lĩnh vực hạ tầng giao thông kết nối khu dân cư, các chương trình trọng điểm của tỉnh, chương trình nông nghiệp nông thôn, môi trường, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng,...

Tiếp tục bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ. Bố trí dự phòng các cấp ngân sách ở mức 03% để chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

Từ mục tiêu, nguyên tắc xây dựng dự toán như trên, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 3 về nội dung phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2012 như sau:

I. Dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2012:

(Phụ lục số 03 đính kèm).

*** Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 27.231.000 triệu đồng.**

Tăng 20% so với ước thực hiện năm 2011.

1. Dự toán thu NSNN trong cân đối: 26.015.000 triệu đồng.

Tăng 20% so với ước thực hiện năm 2011.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 15.900.000 triệu đồng.

Tăng 20% so với ước thực hiện năm 2011.

Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì dự toán thu nội địa là

15.550.000 triệu đồng.

Tăng 20% so với ước thực hiện năm 2011.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 10.115.000 triệu đồng.

Tăng 21% so với ước thực hiện năm 2011.

2. Về dự toán thu quản lý qua ngân sách: 1.216.000 triệu đồng.

Bao gồm:

- Thu từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.

Thu xổ số kiến thiết là khoản thu ngoài cân đối do HĐND tỉnh quyết định. Căn cứ tình hình ước thực hiện thu năm 2011 là 541.000 triệu đồng, UBND tỉnh lập dự toán thu năm 2012 về hoạt động xổ số kiến thiết là 600.000 triệu đồng tăng 11% so với ước thực hiện thu năm 2011 trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

- Thu từ nguồn ghi thu học phí: 56.000 triệu đồng.

Tăng 101% so với ước thực hiện.

- Thu từ nguồn thu viện phí: 560.000 triệu đồng.

Tăng 31% so với ước thực hiện.

II. Dự toán thu ngân sách địa phương: 9.858.929 triệu đồng.

1. Dự toán thu trong cân đối: 8.642.929 triệu đồng.

- Các khoản thu được hưởng 100%: 1.314.050 triệu đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ 51%: 7.328.879 triệu đồng.

2. Dự toán thu để lại quản lý qua NSNN: 1.216.000 triệu đồng.

- Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.

- Ghi thu học phí: 56.000 triệu đồng.

- Ghi thu viện phí: 560.000 triệu đồng.

III. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2012:

*** Tổng dự toán chi ngân sách địa phương:** 9.858.929 triệu đồng.

Tăng 36% so với dự toán đầu năm 2011, tăng 12% so với dự toán sau điều chỉnh năm 2011.

1. Tổng dự toán chi trong cân đối ngân sách: 8.642.929 triệu đồng.

(Chưa bao gồm chi chương trình mục tiêu quốc gia và chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương).

Tăng 28% so với dự toán đầu năm 2011, tăng 10% so với dự toán sau điều chỉnh năm 2011.

Bao gồm:

+ Dự toán chi đầu tư phát triển: 2.302.000 triệu đồng.

Tăng 01% so với dự toán đầu năm 2011.

Trong đó:

- Chi XDCB nguồn vốn tập trung: 1.950.000 triệu đồng.

Tăng 15% so với dự toán đầu năm và dự toán sau điều chỉnh 2011.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 350.000 triệu đồng.

Bằng 70% so với dự toán đầu năm 2011.

- Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp

theo chế độ: 2.000 triệu đồng.

Bằng 100% so với dự toán đầu năm 2011 và dự toán sau điều chỉnh năm 2011.

+ Dự toán chi thường xuyên: 5.463.252 triệu đồng.

Tăng 30% so với dự toán đầu năm 2011, tăng 14% so với dự toán sau điều chỉnh năm 2011.

Trong chi thường xuyên có 01 chỉ tiêu được phân bổ cao hơn so với chỉ tiêu chính phủ giao là:

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: tăng 09% so với dự toán của chính phủ giao năm 2012.

Đối với các lĩnh vực chi còn lại đều tăng cao, bình quân tăng 14% so với dự toán sau điều chỉnh năm 2011.

2. Dự toán chi quản lý qua ngân sách: 1.216.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.

Với tổng số dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011 như trên, UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết Tỉnh ủy tỉnh Đảng bộ lần IX, Nghị quyết HĐND tỉnh về các chỉ tiêu kinh tế xã hội an ninh quốc phòng năm 2011; Đồng thời căn cứ Nghị định số 22/2011/NĐ-CP về mức tiền lương tối thiểu 830.000 đồng để định hướng phương pháp phân bổ dự toán chi năm 2011 như sau:

a) Về phân bổ dự toán chi trong cân đối ngân sách:

*** Về phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển:**

- Ưu tiên bố trí các công trình chuyên tiếp, các dự án thuộc nhiệm vụ đột phá của tỉnh các dự án phụ vụ an sinh xã hội, dự án hạ tầng hạ tầng, giao thông

kết nối khu dân cư, chương trình nông nghiệp, nông thôn.

*** Về phân bổ dự toán chi thường xuyên:**

- Phân bổ ngân sách cho các đơn vị quản lý hành chính (kể cả khối tỉnh và huyện) bao gồm cả Đảng, đoàn thể, cơ quan quản lý Nhà nước theo định mức tại Nghị quyết số 191/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Cân đối kinh phí trên cơ sở tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND tỉnh và các chính sách mới phát sinh đối với ngành giáo dục (hỗ trợ tiền ăn trẻ em mầm non 5 tuổi, phụ cấp thâm niên nghề ngành giáo dục,...).

Trong đó có bố trí dự phòng 77.000 triệu đồng ở lĩnh vực sự nghiệp giáo dục để điều chỉnh, bổ sung cho các đơn vị khối tỉnh và khối huyện trong trường hợp phát sinh các chính sách chế độ mới của trung ương hoặc các đơn vị khối huyện hụt nguồn thu làm cho mất cân đối trong điều hành chi ngân sách.

- Đảm bảo cân đối đủ cho các nội dung chi đảm bảo xã hội tăng thêm so với định mức do phát sinh về mặt đối tượng hoặc chính sách như chi trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 13/CP, chi hỗ trợ cấp bù học phí theo Nghị định số 49/CP, chi mừng thọ người cao tuổi,...

- Đảm bảo cân đối đủ chi cho nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cấp xã, phường thị trấn khi thực hiện các chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ và công an viên xã (ấp),... theo quy định tại đề án 02 và Quyết định số 70/QĐ-UBND.

- Đối với sự nghiệp kinh tế: ưu tiên chi sự nghiệp nông nghiệp, sự nghiệp môi trường,... Đồng thời ưu tiên chi sự nghiệp kiến thiết thị chính đối với các đơn vị mang tính đặc thù về đô thị như thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch,...

Các lĩnh vực chi còn lại: Đảm bảo không thấp hơn dự toán đầu năm 2011.

Riêng đối với dự toán chi khác ngân sách, dành nguồn bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chi đột xuất như trang bị phương tiện làm việc cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, chi trợ cấp Tết... để linh động trong việc điều hành ngân sách.

b) Về phân bổ dự toán chi quản lý qua ngân sách:

Phân bổ chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của tỉnh, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình về giáo dục và y tế; Không sử dụng phân bổ nhiệm vụ chi từ nguồn thu này vào các mục đích khác.

IV. Phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2012 từng lĩnh vực:

*** Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 9.858.929 triệu đồng.**

(Có phụ lục số 04 đính kèm).

1. Dự toán chi trong cân đối ngân sách: 8.642.929 triệu đồng.

a) Dự toán chi đầu tư phát triển: 2.302.000 triệu đồng.

- Chi từ nguồn XCDB tập trung:	1.950.000 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	350.000 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i>	
+ Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	140.000 triệu đồng.
+ Chi bổ sung vốn quỹ phát triển nhà:	105.000 triệu đồng.
+ Chi bổ sung vốn quỹ phát triển đất:	105.000 triệu đồng.
- Chi đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp:	2.000 triệu đồng.
b) Dự toán chi thường xuyên:	5.463.252 triệu đồng.
<i>Bao gồm:</i>	
- Chi trợ giá về vận chuyển xe buýt hành khách công cộng:	20.500 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế:	822.752 triệu đồng.
<i>Trong đó: Chi sự nghiệp quản lý môi trường:</i>	
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	318.894 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp y tế:	2.481.469 triệu đồng.
<i>Trong đó: chi bảo hiểm xã hội sự nghiệp y tế</i>	
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	588.116 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình:	161.000 triệu đồng.
- Chi phát thanh truyền hình:	61.050 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội:	123.089 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính:	20.220 triệu đồng.
- Chi an ninh - quốc phòng:	309.643 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách:	721.175 triệu đồng.
<i>Trong đó: Chi trang bị phương tiện làm việc, trợ cấp Tết,...:</i>	
c) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	219.536 triệu đồng.
d) Chi lập quỹ dự trữ tài chính:	95.585 triệu đồng.
e) Dự phòng ngân sách:	24.406 triệu đồng.
2. Dự toán chi quản lý qua ngân sách:	615.477 triệu đồng.
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	2.910 triệu đồng.
- Ghi chi học phí:	259.290 triệu đồng.
- Ghi chi viện phí:	1.216.000 triệu đồng.

V. Phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh cho các sở, ban, ngành khối tỉnh (Phụ lục số 06 đính kèm):

Tổng chi thường xuyên phân bổ các đơn vị dự toán cấp tỉnh là: **2.210.586 triệu đồng**; Tăng 17% so với dự toán đầu năm 2011 và tăng 02% so với dự toán bổ sung năm 2011.

Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh nhìn chung được thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết tỉnh Đảng bộ, Nghị quyết HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2012, đảm bảo về cơ bản kinh phí cho các ngành, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao trong đó đã bố trí kinh phí thực hiện 08 chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Riêng đối với một số nhiệm vụ còn thiếu như bảo hiểm y tế và các chính sách, chế độ mới phát sinh sẽ được cân đối bổ sung từ nguồn dự kiến vượt thu năm 2012 và một phần của nguồn thường vượt thu năm 2011.

VI. Bổ sung cân đối ngân sách huyện:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà (Phụ lục số 07 đính kèm).

Nhiệm vụ thu cho khối huyện là 3.271.900 triệu đồng.

Tăng 16% so với ước thực hiện năm 2011. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì dự toán thu năm 2012 là 2.921.900 triệu đồng tăng 19% so với ước thực hiện năm 2011.

2. Dự toán chi ngân sách cấp huyện (Phụ lục số 08 đính kèm):

*** Tổng dự toán chi ngân sách: 4.242.720 triệu đồng.**

a) Dự toán chi trong cân đối: 4.172.720 triệu đồng.

- Dự toán chi đầu tư phát triển: 773.000 triệu đồng.

+ Dự toán chi xây dựng cơ bản tập trung: 773.000 triệu đồng.

Tăng 15% so với dự toán đầu năm 2011 và dự toán bổ sung năm 2011.

- Dự toán chi thường xuyên: 3.252.666 triệu đồng.

Tăng 39% so với dự toán đầu năm 2011 và tăng 15% so với dự toán bổ sung năm 2011.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề 1.853.915 triệu đồng tăng 29% so dự toán đầu năm 2011 và tăng 23% so với dự toán bổ sung năm 2011. Dự toán chi lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề khối huyện đã được cân đối đủ theo định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết 191/2010/NQ-HĐND tỉnh và bao gồm kinh phí cho các chính sách mới như chi hỗ trợ tiền ăn trẻ em mầm non 05 tuổi, chi phụ cấp thâm niên nghề,...

+ Chi sự nghiệp môi trường 146.399 triệu đồng, tăng 193% so với dự toán đầu năm 2011 và tăng 161% so với dự toán bổ sung năm 2011.

+ Các lĩnh vực chi còn lại bình quân tăng 35% so với dự toán đầu năm 2011 và tăng 06% so với dự toán bổ sung năm 2011.

- Dự phòng ngân sách: 117.031 triệu đồng.

Chiếm tỷ trọng 03% tổng chi trong cân đối.

b) Dự toán chi ngoài cân đối: 70.000 triệu đồng.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất phần ngân sách huyện được hưởng: 70.000 triệu đồng.

3. Cân đối để tính trợ cấp ngân sách huyện:

Căn cứ tỷ lệ điều tiết theo Nghị quyết số 191/2010/NQ-HĐND tỉnh, trên cơ sở số giao nhiệm vụ quản lý thu nội địa năm 2012 cho ngân sách huyện thì hiện nay ngân sách tỉnh hỗ trợ toàn bộ cho các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa là **2.591.117 triệu đồng** (Có phụ lục số 09 đính kèm).

Trong đó bổ sung cân đối 2.495.206 triệu đồng đối với 09 huyện và thị xã Long Khánh là và bổ sung có mục tiêu 95.911 triệu đồng cho thành phố Biên Hòa để thực hiện nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường và kiến thiết thị chính.

VII. Các giải pháp tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2012:

*** Về thu NSNN trên địa bàn:**

1. Tập trung chỉ đạo đơn đốc thu, tăng cường khai thác nguồn thu theo chiều sâu ở các doanh nghiệp, hộ kinh doanh lớn đang hoạt động ổn định và phát triển. Phấn đấu thu đạt và vượt dự toán pháp lệnh năm 2012.

2. Đẩy mạnh và nâng cao công tác thanh tra, kiểm tra thuế; Đặc biệt tập trung vào nhóm doanh nghiệp lớn, tổng công ty,... có số thu lớn, các ngành hàng, lĩnh vực, các loại hình tổ chức có dấu hiệu thất thu lớn. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân từ đó chấn chỉnh và xử lý kịp thời đúng quy định.

3. Áp dụng có hiệu quả các biện pháp cưỡng chế thuế để thu hồi nợ, giảm 100% nợ điều chỉnh (trừ khoản nợ điều chỉnh do có khiếu nại), thu trên 80% nợ có khả năng thu. Phấn đấu theo hướng cuối năm tổng nợ chiếm dưới 04% trên tổng thu ngân sách (trừ số nợ thuế được gia hạn, tiền thuế đã nộp vào NSNN nhưng đang chờ điều chỉnh), trong đó ước nợ khả năng thu chiếm 03% tổng thu ngân sách.

4. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính có hiệu quả, nhất là đơn giản và công khai thủ tục hành chính để tạo bước đột phá trong việc thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân.

5. Tiếp tục triển khai rộng rãi mô hình quản lý thuế theo chức năng và cơ chế tự khai, tự nộp thuế trên địa bàn tỉnh. Áp dụng phương thức quản lý thuế tiên tiến, hiện đại; Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, thuận tiện và giảm phiền hà cho người nộp thuế đồng thời nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật thuế để mọi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hiểu rõ và tự giác chấp hành nghiêm theo quy định của pháp luật về việc nộp thuế.

6. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc ủy nhiệm thu thuế cho xã, phường, thị trấn và tiếp tục tập huấn bồi dưỡng chính sách, chế độ, chuyên môn, nghiệp vụ về các loại thuế đã ủy nhiệm thu cho các phường, xã, thị trấn để gắn trách nhiệm quản lý, khai thác các nguồn thu ngân sách của địa phương.

7. Rà soát và làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp có những khó khăn vướng mắc liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, qua đó có những kiến nghị đối với Trung ương, địa phương tháo gỡ các vướng mắc giúp doanh nghiệp.

8. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng, kiểm tra đối chiếu hoá đơn; Quản lý tem hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu để chống gian lận thương mại, gian lận hoàn thuế. Tổ chức triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/05/2010 về quản lý hóa đơn bán hàng và cung ứng dịch vụ.

*** Về chi ngân sách địa phương:**

1. Tập trung chi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình trọng điểm, các chương trình, dự án có ý nghĩa quyết định đến phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2012, giai đoạn 2011 - 2015 trên tinh thần tuân thủ thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ.

Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng dưới các hình thức BT, BOT,... thực hiện cơ chế chuyển nhượng quyền quản lý khai thác, sử dụng có thời hạn đối với một số cơ sở hạ tầng như cầu, đường,... để tạo thêm vốn bảo trì và đầu tư phát triển hạ tầng.

2. Việc phân bổ chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của tỉnh, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình về giáo dục và y tế; Không sử dụng phân bổ nhiệm vụ chi từ nguồn thu này vào các mục đích khác.

3. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, dạy nghề, dân số gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Nghị quyết số 99/2007/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.... thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

4. Tập trung nguồn lực ngân sách ngay từ đầu năm phân bổ nhiệm vụ chi cho các lĩnh vực trọng yếu như đảm bảo xã hội, an ninh quốc phòng, giáo dục đào tạo. Việc điều hành chi phải bám sát dự toán của Hội đồng nhân dân giao, hạn

chế tối đa kinh phí phát sinh, bổ sung ngoài dự toán. Việc bổ sung chi thường xuyên phải thật sự cấp bách, phải đảm bảo được nguồn cân đối. Tăng cường chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, các đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công theo quy định của pháp luật.

5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước; Tập trung rà soát các thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục rườm rà, không cần thiết; Thực hiện công khai quy trình, thủ tục, chế độ, trách nhiệm quản lý thu, chi ngân sách; Định kỳ tổ chức đối thoại giữa các cơ quan sở, ban, ngành có liên quan với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng NSNN và các cơ sở ngoài công lập để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

6. Thực hiện chế độ công khai tài chính đối với các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư XDCB có sử dụng vốn ngân sách, các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, tiêu cực trong quản lý tài chính - NSNN.

Thực hiện nghiêm việc kiểm toán bắt buộc đối với các tổng công ty, công ty Nhà nước; Tăng cường giám sát việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính đối với các sở, ban, ngành và cấp huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong lĩnh vực quản lý NSNN, đảm bảo việc sử dụng vốn NSNN tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích. Xử lý đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật đối với những cá nhân và tập thể vi phạm theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Thực hiện công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý.

8. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa căn cứ kết quả kiểm toán của Đoàn Kiểm toán Nhà nước khu vực IV xử lý dứt điểm các kiến nghị. Đồng thời rút kinh nghiệm chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, quản lý ngân sách nhằm đưa công tác quản lý tài chính, ngân sách của tỉnh ngày càng tốt hơn theo quy định.

9. Các cơ quan ngành tài chính (Tài chính, Thuế, Kho bạc Nhà nước...) tiếp tục tăng cường công tác phối hợp triển khai thực hiện hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính công TABMIS trên địa bàn. Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ tài chính - kế toán về nghiệp vụ.

10. Tiếp tục thực hiện đầy đủ các giải pháp tạo nguồn để cải cách tiền lương; các cấp ngân sách phải:

- Sử dụng 50% số tăng thu thực hiện năm 2011 so với dự toán đầu năm 2011 của Chính phủ giao (đối với ngân sách cấp tỉnh), của UBND tỉnh giao (đối với ngân sách cấp huyện), của UBND huyện giao (đối với ngân sách cấp xã).

- Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2011 (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%, sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền và hoá chất).

- Thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương).

11. Số tăng thu ngân sách của khối huyện được sử dụng để tạo nguồn làm lương, đồng thời bố trí kinh phí chi khen thưởng thi đua theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 đối với biên chế trong phạm vi ngân sách huyện, xã trả lương.

*** Về điều hành ngân sách năm 2012:**

1. Về phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất:

Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-HĐND ngày 24/7/2008 của HĐND tỉnh Đồng Nai kỳ họp thứ 13 - Khóa VII về chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về việc quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường và tái định cư.

Theo quy định tại Chi thị số 1474/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 24/08/2011 thì phải dành tối thiểu 10% trên tổng số thu tiền thuê đất và tiền sử dụng đất để chi cho sự nghiệp địa chính, tuy nhiên UBND tỉnh cũng đã cân đối nguồn chi thường xuyên để phân bổ dự toán chi sự nghiệp địa chính năm 2012 với mức kinh phí 50.000 triệu đồng.

Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận về việc phân bổ nguồn thu 350.000 triệu đồng tiền sử dụng đất năm 2011 như sau:

+ 30% tương đương 105.000 triệu đồng chi cho Quỹ phát triển đất.

+ 30% tương đương 105.000 triệu đồng để chi để trích Quỹ nhà ở.

+ 40% còn lại tương đương 140.000 triệu đồng được phân bổ:

- Ngân sách tỉnh hưởng 20% tương đương 70.000 triệu đồng.

- Ngân sách huyện hưởng 20% tương đương 70.000 triệu đồng.

Việc bố trí kinh phí cho quỹ phát triển nhà ở và quỹ phát triển đất được thực hiện theo tiến độ thu tiền sử dụng đất, khi tổ chức thu đến đâu sẽ trích từ nguồn thực thu được để bố trí đến đó theo quy định.

Về phân vốn thu tiền sử dụng đất 70.000 triệu đồng ngân sách tỉnh được hưởng sẽ cân đối để thực hiện trả nợ các nguồn hiện còn đang tạm ứng ngân sách trung ương, vay KBNN trung ương.

2. Về xây dựng cơ bản ở các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết cho ngân sách cấp mình để thực hiện đầu tư xây dựng đối với các lĩnh vực hạ tầng nông nghiệp nông thôn, tái định cư,...

3. Để đảm bảo có nguồn thu bổ sung cho các lĩnh vực còn thiếu chưa có đủ nguồn phân bổ dự toán chi ngay từ đầu năm, trong điều hành UBND tỉnh chỉ đạo phân đầu thu vượt để bù đắp. Khi có nguồn, UBND tỉnh sẽ trình Thường trực HĐND và HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và các nội dung trình bày nêu trên, UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 3 xem xét, phê chuẩn các nội dung sau:

1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2012.

(Phụ lục số 03 đính kèm).

- Tổng thu ngân sách nhà nước:	27.231.000 triệu đồng.
+ Thu trong cân đối:	26.015.000 triệu đồng.
. Thu nội địa:	15.900.000 triệu đồng.
. Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu:	10.115.000 triệu đồng.
+ Thu quản lý qua ngân sách:	1.216.000 triệu đồng.
. Thu lĩnh vực xổ số kiến thiết:	600.000 triệu đồng.
. Ghi thu học phí:	56.000 triệu đồng.
. Ghi thu viện phí:	560.000 triệu đồng.

2. Chi ngân sách địa phương năm 2012.

(Phụ lục số 04 đính kèm)

- Tổng chi ngân sách địa phương:	9.858.929 triệu đồng.
+ Chi trong cân đối:	8.642.929 triệu đồng.
. Chi đầu tư phát triển:	2.302.000 triệu đồng.
. Chi thường xuyên:	5.463.252 triệu đồng.
. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	615.477 triệu đồng.
. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
. Dự phòng ngân sách:	259.290 triệu đồng.

+ Chi quản lý qua ngân sách:	1.216.000 triệu đồng.
. Chi từ nguồn thu lĩnh vực xổ số kiến thiết:	600.000 triệu đồng.
. Ghi chi học phí:	56.000 triệu đồng.
. Ghi chi viện phí:	560.000 triệu đồng.

3. Phê chuẩn phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh.
(Phụ lục số 06 đính kèm).

- Chi đầu tư phát triển:	1.177.000 triệu đồng.
- Chi thường xuyên cho các sở, ban, ngành:	2.210.586 triệu đồng.

4. Phê chuẩn chi bổ sung cân đối ngân sách cấp huyện.
(Phụ lục số 07, 08, 09 đính kèm).

- Tổng thu ngân sách nhà nước cấp huyện:	3.271.900 triệu đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương cấp huyện:	4.172.720 triệu đồng.
- Tổng số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện:	2.591.177 triệu đồng.

UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 3 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

@DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

Phụ lục số 01

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung các khoản thu	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN	So sánh %	
				UTH/ ĐẦU NĂM	UTH/SAU ĐIỀU CHỈNH
A	1	2	3	4=3/1	5=3/2
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	20.080.000	22.598.810	22.641.170	113%	100%
A. TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	19.580.000	21.643.000	21.644.000	111%	100%
I. Thu nội địa	11.950.000	13.250.000	13.251.000	111%	100%
<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất)</i>	<i>11.450.000</i>	<i>12.700.000</i>	<i>12.943.000</i>	<i>113%</i>	<i>102%</i>
1. Thu từ các DNNN Trung Ương	1.430.000	1.740.000	1.650.000	115%	95%
- Thuế giá trị gia tăng	760.800	852.000	772.790	102%	91%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	610.000	788.500	800.000	131%	101%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.700	3.000	1.700	100%	57%
- Thuế tài nguyên	55.000	66.000	55.000	100%	83%
- Thuế môn bài	480	500	510	106%	102%
- Thu khác	2.020	30.000	20.000	990%	67%
2. Thu từ các DNNN Địa phương	1.850.000	2.030.000	1.940.000	105%	96%
- Thuế giá trị gia tăng	687.870	688.000	491.290	71%	71%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	548.300	500.000	104%	91%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	660.000	740.000	900.000	136%	122%
- Thuế tài nguyên	20.000	50.000	45.000	225%	90%
- Thuế môn bài	635	700	710	112%	101%
- Thu khác	1.495	3.000	3.000	201%	100%
3. Thu từ xí nghiệp có vốn ĐTNN	4.030.000	4.362.000	4.262.000	106%	98%
- Thuế giá trị gia tăng	2.143.800	2.178.715	1.500.000	70%	69%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800.000	2.096.485	2.647.200	147%	126%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	28.500	29.000	40.000	140%	138%
- Thuế tài nguyên	200	200	200	100%	100%
- Thuế môn bài	2.500	2.600	2.600	104%	100%
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	35.000	35.000	50.000	143%	143%
- Thu khác	20.000	20.000	22.000	110%	110%
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.164.000	2.225.100	2.500.000	116%	112%
- Thuế giá trị gia tăng	1.723.000	1.730.100	1.911.500	111%	110%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.000	403.000	485.000	131%	120%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	9.000	20.000	20.000	222%	100%
- Thuế tài nguyên	15.000	20.000	17.000	113%	85%
- Thuế môn bài	37.000	37.000	41.500	112%	112%
- Thu khác)	10.000	15.000	25.000	250%	167%

Nội dung các khoản thu	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN	So sánh %	
				UTH/ ĐẦU NĂM	UTH/SAU ĐIỀU CHỈNH
5. Lệ phí trước bạ	320.000	350.000	380.000	119%	109%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			2.000		
7. Thuế nhà đất	40.000	40.000	40.000	100%	100%
8. Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	1.585.000	1.700.000	131%	107%
9. Thu phí, lệ phí	90.000	103.500	120.000	133%	116%
10. Thuế chuyển quyền sử dụng đất			1.700		
11. Thu tiền sử dụng đất	500.000	550.000	308.000	62%	56%
12. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	50.000	75.500	85.000	170%	113%
13. Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN			8.000		
14. Thu phí giao thông qua xăng dầu	90.000	90.000	90.000	100%	100%
15. Thu khác ngân sách	80.000	92.000	152.300	190%	166%
16. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	6.000	6.900	12.000	200%	174%
II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.630.000	8.393.000	8.393.000	110%	100%
- Thuế XNK, TTĐB hàng nhập khẩu	2.590.000	2.849.000	2.849.000	110%	100%
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.040.000	5.544.000	5.544.000	110%	100%
B. THU HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CSHT THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN					
C. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI CHI Q.LÝ QUA NS	500.000	955.810	997.170	199%	104%
Tr.đó: - Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết	500.000	500.000	541.360	108%	108%
- Ghi thu học phí		27.810	27.810		100%
- Ghi thu viện phí		428.000	428.000		100%

Phụ lục số 02

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Tờ trình số 1157 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH	
				UTH/DT ĐẦU NĂM	UTH/DT SAU ĐIỀU CHỈNH
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/1</i>	<i>5=3/2</i>
TỔNG CHI NSDP (A+B), TRONG ĐÓ:	7.240.382	8.839.933	9.153.607	126%	104%
A- Các khoản chi trong cân đối:	6.740.382	7.841.408	8.155.082	121%	104%
I- Chi đầu tư phát triển:	2.282.000	2.792.203	2.792.203	122%	100%
1- Chi đầu tư XDCB tập trung.	1.700.000	1.700.000	1.700.000	100%	100%
2- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000	500.000	500.000	100%	100%
Trong đó:					
Chi đầu tư XDCB	200.000		200.000	100%	
Chi thành lập quỹ phát triển nhà ở	150.000		150.000	100%	
Chi thành lập quỹ phát triển đất	150.000		150.000	100%	
3- Chi XDCB từ chương trình mục tiêu		6.000	6.000		
4- Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ của ngân sách TW	80.000	80.000	80.000	100%	100%
5- Chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	2.000	100%	100%
6- Chi bổ sung từ Ngân sách TW và địa phương		504.203	504.203		100%
II- Chi thường xuyên:	4.205.662	4.796.485	5.110.159	122%	107%
1- Chi trợ giá theo chính sách	16.500	20.500	20.500	124%	100%
2- Chi sự nghiệp kinh tế	506.927	586.594	591.942	117%	101%
Trong đó:					
- Sự nghiệp nông nghiệp	85.176	86.273	86.820	102%	101%
- Sự nghiệp lâm nghiệp	47.431	47.448	47.448	100%	100%
- Sự nghiệp thủy lợi	15.122	16.572	16.572	110%	100%
- Sự nghiệp giao thông	69.293	70.102	71.210	103%	102%
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	36.172	99.936	99.936	276%	100%
- Sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61.246	62.307	62.900	103%	101%
- Sự nghiệp công thương	10.439	11.003	11.082	106%	101%
- Sự nghiệp quản lý môi trường	136.500	147.405	150.427	110%	102%
- Chi công tác quy hoạch	40.000	40.000	40.000	100%	100%
- Sự nghiệp khác	5.548	5.548	5.548	100%	100%
3- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.932.630	2.050.821	2.262.042	117%	110%
- Chi sự nghiệp giáo dục	1.718.963	1.806.016	1.996.251	116%	111%
- Chi sự nghiệp đào tạo	213.667	244.805	265.791	124%	109%
4- Chi sự nghiệp y tế	539.176	616.017	650.470	121%	106%
Chi sự nghiệp y tế toàn ngành	378.176	402.350	436.803	116%	109%
Chi sự nghiệp y tế (BH YT)	161.000	213.667	213.667	133%	100%

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH	
				UTH/DT ĐẦU NĂM	UTH/DT SAU ĐIỀU CHỈNH
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/1</i>	<i>5=3/2</i>
5- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53.000	54.113	54.289	102%	100%
6- Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao - du lịch - gia đình	105.508	115.468	117.371	111%	102%
7- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	19.863	19.863	20.337	102%	102%
8- Chi đảm bảo xã hội	182.499	330.239	330.953	181%	100%
9- Chi quản lý hành chính	673.173	730.232	777.655	116%	106%
- Chi quản lý Nhà Nước	522.068	577.533	622.958	119%	108%
- Chi hỗ trợ ngân sách Đảng, các tổ chức CTXH	90.984	91.814	93.266	103%	102%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60.121	60.885	61.431	102%	101%
10- Chi An ninh - Quốc phòng	123.901	187.293	199.256	161%	106%
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50.542	88.647	93.313	185%	105%
- Chi quốc phòng	73.359	98.646	105.943	144%	107%
11- Chi khác ngân sách	52.485	85.345	85.345	163%	100%
III- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50.000	50.000	50.000	100%	100%
IV- Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	100%	100%
V - Dự phòng ngân sách	199.810	199.810	199.810	100%	100%
B - Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500.000	998.525	998.525	200%	100%
Tr. đó: - Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết	500.000	542.715	542.715	109%	100%
- Ghi chi học phí		27.810	27.810		100%
- Ghi chi viện phí		428.000	428.000		100%

Phụ lục số 03

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012

(Kèm theo Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU		NĂM 2011			DỰ TOÁN 2012	S.SÁNH(%) DT 2012 UTH 2011
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		
A		1	2	3	4	5=4/3
* TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		20.080.000	22.598.810	22.641.170	27.231.000	120%
A.	Tổng các khoản thu cân đối ngân sách Nhà nước	19.580.000	21.643.000	21.644.000	26.015.000	120%
1	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	11.950.000	13.250.000	13.251.000	15.900.000	120%
*	Thu nội địa loại trừ thu tiền sử dụng đất	11.450.000	12.700.000	12.943.000	15.550.000	120%
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước trung ương	1.430.000	1.740.000	1.650.000	2.032.000	123%
	- Thuế giá trị gia tăng	760.800	852.000	772.790	932.250	121%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	610.000	788.500	800.000	1.007.000	126%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	1.700	3.000	1.700	2.200	129%
	- Thuế tài nguyên	55.000	66.000	55.000	65.000	118%
	- Thuế môn bài	480	500	510	550	108%
	- Thu khác	2.020	30.000	20.000	25.000	125%
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	1.850.000	2.030.000	1.940.000	2.200.000	113%
	- Thuế giá trị gia tăng	687.870	688.000	491.290	721.300	147%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	548.300	500.000	620.000	124%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	660.000	740.000	900.000	800.000	89%
	- Thuế tài nguyên	20.000	50.000	45.000	55.000	122%
	- Thuế môn bài	635	700	710	700	99%
	- Thu khác	1.495	3.000	3.000	3.000	0%
3	Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.030.000	4.362.000	4.262.000	5.200.000	122%
	- Thuế giá trị gia tăng	2.143.800	2.178.715	1.500.000	1.959.100	131%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800.000	2.096.485	2.647.200	3.118.000	118%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	28.500	29.000	40.000	50.000	125%
	- Thuế tài nguyên	200	200	200	200	100%
	- Tiền thuế mặt đất mặt nước	35.000	35.000	50.000	50.000	100%
	- Thuế môn bài	2.500	2.600	2.600	2.700	104%
	- Thu khác	20.000	20.000	22.000	20.000	91%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	2.164.000	2.225.100	2.500.000	3.200.000	128%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.723.000	1.730.100	1.911.500	2.549.500	133%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.000	403.000	485.000	550.000	113%
	- Thuế TTĐB hàng hoá dịch vụ trong nước	9.000	20.000	20.000	21.000	105%
	- Thuế tài nguyên	15.000	20.000	17.000	22.000	129%
	- Thuế môn bài	37.000	37.000	41.500	38.500	93%
	- Thu khác	10.000	15.000	25.000	19.000	76%
5	Lệ phí trước bạ	320.000	350.000	380.000	410.000	108%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			2.000		
7	Thuế nhà đất	40.000	40.000	40.000	50.000	125%
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	1.585.000	1.700.000	2.000.000	118%
9	Thu phí và lệ phí	90.000	103.500	120.000	165.000	138%

NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU		NĂM 2011			DỰ TOÁN 2012	S.SÁNH(%)
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2011	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 UTH 2011
10	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			1.700		0%
11	Tiền sử dụng đất	500.000	550.000	308.000	350.000	114%
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	50.000	75.500	85.000	80.000	94%
13	Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước			8.000		
14	Thu phí xăng dầu	90.000	90.000	90.000	110.000	122%
15	Thu khác Ngân sách	80.000	92.000	152.300	97.000	64%
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... của ngân sách xã	6.000	6.900	12.000	6.000	50%
II	Thu từ hoạt động Xuất Nhập Khẩu	7.630.000	8.393.000	8.393.000	10.115.000	121%
III	Thu huy động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	0		0	0	
B	Các khoản thu được để lại chỉ quản lý qua NSNN	500.000	955.810	997.170	1.216.000	122%
	- Thu lĩnh vực Xổ số kiến thiết	500.000	500.000	541.360	600.000	111%
	- Ghi thu học phí		27.810	27.810	56.000	201%
	- Ghi thu viện phí		428.000	428.000	560.000	131%
	** TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.240.382	9.256.002	9.293.296	9.858.929	106%
A	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	6.740.382	8.257.477	8.294.771	8.642.929	104%
	- Các khoản thu 100%	1.283.310	1.441.500	1.331.520	1.314.050	99%
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	5.377.072	5.931.661	6.078.935	7.328.879	121%
	- Thu bổ sung từ NSTW đầu năm	80.000	80.000	80.000		
	- Bổ sung chương trình mục tiêu Quốc gia		70.414	70.414		
	- Thu từ NSTW cho NSDP (dự án cầu Hóa An)		100.000	100.000		
	- Thu từ nguồn vay ưu đãi kiên cố hóa kênh mương		20.000	20.000		
	- Hỗ trợ công tác bầu cử		17.885	17.885		
	- Thu từ nguồn thường vượt thu dự toán năm 2010		338.713	338.713		
	- Thu từ nguồn trung ương bổ sung thực hiện miễn, giảm thuế 2009		145.572	145.572		
	- Thu từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2010		64.732	64.732		
	- Nguồn trái phiếu chính phủ 2011		47.000	47.000		
B	Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN	500.000	998.525	998.525	1.216.000	122%
	- Thu lĩnh vực Xổ số kiến thiết	500.000	542.715	542.715	600.000	111%
	- Ghi thu học phí		27.810	27.810	56.000	201%
	- Ghi thu viện phí		428.000	428.000	560.000	131%

Phụ lục số 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012

(Kèm theo Tờ trình số 8158 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI		DỰ TOÁN 2011			DỰ TOÁN NĂM 2012	SO SÁNH (%)	
		ĐẦU NĂM	SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 DT 11 ĐN	DT 2012 DT 11 BS
A		1	2	3	4	5=4/1	6=4/2
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		7.240.382	8.839.933	9.153.607	9.858.929	136%	112%
A	Các khoản chi trong cân đối	6.740.382	7.841.408	8.155.082	8.642.929	128%	110%
I	Chi Đầu tư phát triển	2.282.000	2.792.203	2.792.203	2.302.000	101%	82%
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.950.000	115%	115%
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000	500.000	500.000	350.000	70%	70%
Trong đó:							
	+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản	200.000	200.000	200.000	140.000	70%	70%
	+ Chi thành lập quỹ phát triển nhà ở	150.000	150.000	150.000	105.000	70%	70%
	+ Chi thành lập quỹ phát triển đất	150.000	150.000	150.000	105.000	70%	70%
3	Chi XDCB từ chương trình mục tiêu	0	6.000	6.000	0		
4	Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương	80.000	80.000	80.000	0		
5	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	2.000	2.000	100%	100%
6	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương và địa phương		504.203	504.203	0		
II	Chi thường xuyên	4.205.662	4.796.485	5.110.159	5.463.252	130%	114%
1	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	16.500	20.500	20.500	20.500	124%	100%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	506.927	586.594	591.942	822.752	162%	140%
Trong đó:							
	- Chi sự nghiệp nông nghiệp	85.176	86.273	86.820	103.370	121%	120%
	- Chi sự nghiệp lâm nghiệp	47.431	47.448	47.448	57.883	122%	122%
	- Chi sự nghiệp thủy lợi	15.122	16.572	16.572	20.206	134%	122%
	- Chi sự nghiệp giao thông	69.293	70.102	71.210	76.788	111%	110%
	- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	36.172	99.936	99.936	92.900	257%	93%
	- Chi sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61.246	62.307	62.900	66.831	109%	107%
	- Chi sự nghiệp công thương	10.439	11.003	11.082	13.500	129%	123%
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	136.500	147.405	150.427	318.894	234%	216%
	- Chi cho công tác quy hoạch	40.000	40.000	40.000	60.000	150%	150%
	- Chi sự nghiệp khác	5.548	5.548	5.548	12.380	223%	223%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.932.630	2.050.821	2.262.042	2.481.469	128%	121%
	- Chi sự nghiệp giáo dục	1.718.963	1.806.016	1.996.251	2.199.915	128%	122%

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI		DỰ TOÁN 2011			DỰ TOÁN NĂM 2012	SO SÁNH (%)	
		ĐẦU NĂM	SAU ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN		DT 2012 DT 11 ĐN	DT 2012 DT 11 BS
A		1	2	3	4	5=4/1	6=4/2
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	213.667	244.805	265.791	281.554	132%	115%
4	Chi sự nghiệp y tế	539.176	616.017	650.470	588.116	109%	95%
	- Chi sự nghiệp y tế ngành	378.176	402.350	436.803	427.116	113%	106%
	- Chi sự nghiệp y tế (bảo hiểm y tế)	161.000	213.667	213.667	161.000	100%	75%
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53.000	54.113	54.289	61.050	115%	113%
6	Chi sự nghiệp văn hoá - thể thao - du lịch - gia đình	105.508	115.468	117.371	123.089	117%	107%
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	19.863	19.863	20.337	20.220	102%	102%
8	Chi đảm bảo xã hội	182.499	330.239	330.953	309.760	170%	94%
9	Chi quản lý hành chính	673.173	730.232	777.655	721.175	107%	99%
	- Chi quản lý Nhà nước	522.068	577.533	622.958	577.447	111%	100%
	- Chi hoạt động của các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị xã hội	90.984	91.814	93.266	90.840	100%	99%
	- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60.121	60.885	61.431	52.888	88%	87%
10	Chi an ninh - quốc phòng	123.901	187.293	199.256	219.536	177%	117%
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50.542	88.647	93.313	86.576	171%	98%
	- Chi quốc phòng địa phương	73.359	98.646	105.943	132.960	181%	135%
11	Chi khác ngân sách	52.485	85.345	85.345	95.585	182%	112%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50.000	50.000	50.000	615.477		
IV	Chi trả nợ theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN						
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ Tài chính	2.910	2.910	2.910	2.910	100%	100%
VI	Dự phòng ngân sách	199.810	199.810	199.810	259.290	130%	130%
B	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500.000	998.525	998.525	1.216.000	243%	122%
	Trong đó:						
	- Chi đầu tư XDDB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500.000	542.715	542.715	600.000	120%	111%
	- Chi từ nguồn ghi thu học phí		27.810	27.810	56.000		201%
	- Chi từ nguồn ghi thu viện phí		428.000	428.000	560.000		131%

Phụ lục số 05

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2012

(Kèm theo Tờ trình số 8157 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	NĂM 2011			DỰ TOÁN NĂM 2012
		DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH	ƯỚC THỰC HIỆN	
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.080.000	22.598.810	22.641.170	27.231.000
Trong đó:					
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	11.950.000	13.250.000	13.251.000	15.900.000
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	7.630.000	8.393.000	8.393.000	10.115.000
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.240.382	9.256.002	9.293.296	9.858.929
I	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.740.382	8.257.477	8.294.771	8.642.929
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	6.660.382	7.373.161	7.410.455	8.642.929
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.283.310	1.441.500	1.331.520	1.314.050
	- Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.377.072	5.931.661	6.078.935	7.328.879
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	80.000	150.414	150.414	0
	- Bổ sung cân đối				
	- Bổ sung nguồn làm lương				
	- Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia		70.414	70.414	
	- Bổ sung có mục tiêu	80.000	80.000	80.000	
3	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương (Cầu Hóa An)		100.000	100.000	
4	Thu từ ngân sách trung ương hỗ trợ công tác bầu cử		17.885	17.885	
5	Thu từ nguồn vay ưu đãi kiên cố hóa kênh mương		20.000	20.000	
6	Thu từ nguồn ngân sách trung ương thường vượt thu năm 2010		338.713	338.713	
7	Thu từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2010		64.732	64.732	
8	Thu từ nguồn trái phiếu chính phủ		47.000	47.000	
9	Thu từ nguồn trung ương bổ sung miễn, giảm thuế năm 2009		145.572	145.572	
II	CÁC KHOẢN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN	500.000	998.525	998.525	1.216.000
	- Thu lĩnh vực thu xổ số kiến thiết	500.000	542.715	542.715	600.000
	Trong đó: Thu bổ sung từ nguồn vượt thu xổ số kiến thiết năm 2010		42.715	42.715	0
	- Ghi thu học phí		27.810	27.810	56.000
	- Ghi chi học phí		428.000	428.000	560.000
C	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.240.382	8.839.933	9.050.608	9.858.929
I	CHI TRONG CÂN ĐỐI	6.740.382	7.841.408	8.052.083	8.642.929
1	Chi đầu tư phát triển	2.282.000	2.792.203	2.786.203	2.302.000
2	Chi thường xuyên	4.205.662	4.796.485	5.013.160	5.463.252
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	2.910
5	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	50.000	50.000	50.000	615.477
7	Dự phòng	199.810	199.810	199.810	259.290
II	CHI TỪ NGUỒN THU QUẢN LÝ QUA NSNN	500.000	998.525	998.525	1.216.000
1	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500.000	542.715	542.715	600.000
2	Ghi chi học phí		27.810	27.810	56.000
3	Ghi chi viện phí		428.000	428.000	560.000
D	Tỷ lệ % phân chia các khoản thu NSDP được hưởng	51%	51%	51%	51%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH NĂM 2012

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG:	17.267	2.210.586
I	CHI QUỐC PHÒNG	0	30.900
II	CHI AN NINH	0	12.200
1	Công an tỉnh		10.200
2	CA phòng cháy chữa cháy		2.000
III	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	5.019	627.554
1	Chi sự nghiệp giáo dục	4.323	368.000
a	SN giáo dục	4.323	291.000
b	Dự phòng		77.000
2	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	696	259.554
IV	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	8.680	577.116
1	Chi sự nghiệp y tế toàn ngành	8.680	421.116
2	Ban Bảo vệ Sức khỏe		6.000
3	Bảo hiểm Y tế		150.000
V	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	24	55.550
1	Sở Khoa học - công nghệ	24	51.050
2	Sở TT-TT		4.500
VI	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA	292	39.246
1	Chi SN Văn hóa	256	34.346
2	Chi SN du lịch	12	1.700
3	Chi SN gia đình		1.700
4	Nhà thiếu nhi	24	1.500
VII	CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO	63	24.440
1	Chi SN thể dục - thể thao	63	10.660
2	Hỗ trợ kinh phí đội bóng đá		13.780
VIII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		101.500
1	Chi đảm bảo xã hội	244	90.500
2	Bảo hiểm thất nghiệp		11.000
IX	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	498	285.210
1	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	349	111.614
a	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	232	37.837
b	Chi sự nghiệp nông nghiệp	117	60.749
c	Sự nghiệp thủy lợi		13.028
2	Chi sự nghiệp công thương	33	13.500
a	- Trung tâm Khuyến công	16	6.000
b	- Trung tâm Xúc tiến thương mại	17	6.000
c	- VP sở		1.500
3	Chi sự nghiệp giao thông	77	44.096
4	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	39	50.000
a	Sự nghiệp địa chính, đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản		50.000
5	Sự nghiệp quy hoạch		60.000
6	Sự nghiệp kinh tế khác		6.000
X	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	330	172.495
1	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa	330	32.575
2	Sở Tài nguyên môi trường		129.000

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
3	Các ngành		10.920
XI	CHI QUẢN LÝ HCNN, ĐANG, ĐOÀN THỂ	2.232	231.590
A	Chi QLNN	1.777	159.524
1	VP HĐND Tỉnh	34	7.709
	- TX	34	2.709
	- KPHĐ của HĐND		5.000
2	VP UBND Tỉnh	100	14.232
	- TX	100	6.732
	- KPHĐ của UBND		7.500
3	Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng	11	1.382
	- TX	11	882
	- Kinh phí ngoài khoán		500
4	Sở Thông tin và Truyền thông	32	2.390
	- TX	32	2.140
	- Chi nghiệp vụ		250
5	Sở Nội vụ	87	13.980
a - VP Sở		40	3.539
	- TX	40	2.939
	- Chi nghiệp vụ		600
	b - Ban Thi đua khen thưởng	16	8.008
	- TX	16	1.008
	- Tiền Khen thưởng		7.000
	c - Ban Tôn giáo	24	1.804
	- TX	24	1.504
	- Kinh phí đặc thù		300
	d - Chi cục VT Lưu Trữ	7	629
	+ TX	7	629
	+ Chi nghiệp vụ		
6	Sở Kế hoạch đầu tư	76	5.408
	- TX	76	4.708
	- Kinh phí ngoài khoán		700
	- Vì sự tiến bộ của phụ nữ		
7	Sở Khoa học - công nghệ	58	3.843
a - VP Sở		48	3.262
	- TX	48	3.262
	b - Chi cục TCĐL chất lượng	10	581
	- TX	10	581
8	Thanh tra nhà nước	43	3.552
	- TX	43	3.152
	- Kinh phí ngoài khoán		400
9	Sở Công thương	201	16.073
a - VP Sở		60	5.060
	- TX	60	4.560
	- Kinh phí ngoài khoán		500
	b - Chi cục quản lý thị trường	141	11.013
	- TX	141	10.863
	- Trang phục		150
10	Sở Tài nguyên và môi trường	110	7.448
a - VP Sở		68	4.834
	- TX	68	4.834
	b - Chi cục Bảo vệ môi trường	24	1.333
	- TX	24	1.333
	c - Chi cục Quản lý Đất đai	18	1.282

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
	- TX	18	1.282
11	Sở Tư pháp	38	5.463
	- VP sở	38	2.763
	- Kinh phí PBGDPL & VBQPPL các ngành		2.700
12	Sở Nông nghiệp & PTNT	271	22.805
	a - VP sở	61	4.421
	- TX	61	4.421
	b - Chi cục kiểm lâm	128	10.897
	- TX	128	10.457
	- Trang phục, CTV, p/c thâm niên		440
	c - Chi cục PTNT	26	1.601
	- TX	26	1.601
	d - Chi cục Bảo vệ Thực vật	15	1.075
	- TX	15	1.075
	e - Chi cục Thủy sản	21	1.249
	- TX	21	1.249
	f - Chi cục quản lý chất lượng nông-lâm sản và thủy sản	20	1.251
	- TX	20	1.251
	g - Chi cục Thú y	-	2.311
	- TX		2.311
13	Sở Giao thông vận tải	128	8.675
	a - VP Sở	48	3.390
	- TX	48	3.390
	b - Thanh tra Sở GT	80	5.285
	- TX	80	5.285
14	Sở Y tế	95	6.325
	a - VP Sở	50	3.664
	- TX	50	3.664
	b - Chi cục Dân số	20	1.190
	- TX	20	1.190
	c - Chi cục VSAT Thực phẩm	25	1.471
	- TX	25	1.471
15	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	54	4.061
	- TX	54	4.061
16	Sở Xây dựng	69	4.551
	a - VP Sở	59	3.809
	- TX	59	3.809
	b - Thanh Tra Sở Xây dựng	10	741
	- TX	10	711
	- Trang phục		30
17	Sở Tài chính	85	7.238
	a - VP Sở	70	5.913
	- TX	70	4.913
	- Kinh phí ngoài khoán		1.000
	b - Chi cục Tài chính DN	15	1.325
	- TX	15	1.125
	- Kinh phí ngoài khoán		200
18	Sở Lao động TBXH	84	6.630
	a - Văn phòng Sở	58	4.990
	+ TX	58	4.990
	b - Chi cục BHXH- BV, CSTE	17	1.037
	+ TX	17	1.037
	c - Chi cục PCTN xã hội	9	603

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
	+ TX	9	603
19	Ban Dân tộc	27	3.232
	- TX	27	1.732
	- KPHĐ đặc thù (tặng quà +BCĐ134,135, phụ cấp già làng ,tổ công tác BT		1.500
20	Sở Giáo dục - đào tạo	69	5.588
	- TX	69	5.588
21	Sở Ngoại vụ	34	4.485
	- TX	34	2.185
	- KPHĐ đặc thù, in bản tin		2.300
22	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	71	4.454
	- TX	71	4.454
B	Đảng	263	55.000
	- Tỉnh ủy	263	55.000
C	Chi Đoàn thể, hội quần chúng	192	17.066
1	UBMT Tổ quốc	29	3.023
	- TX	29	2.423
	- Kinh phí nghiệp vụ		600
2	Tỉnh đoàn	36	2.487
	- TX	36	2.487
3	Hội phụ nữ	21	1.853
	- TX	21	1.853
4	Hội nông dân	22	1.860
	- TX	22	1.860
5	Hội cựu chiến binh	17	1.560
	- TX	17	1.360
	- Kinh phí Đại hội		200
6	Hội nhà báo	4	401
	- TX	4	301
	- Nghiệp vụ báo; Giải thưởng ngồi viết vàng;		100
7	Hội Văn học nghệ thuật	6	538
	- TX	6	388
	- Kinh phí Đại hội		150
8	Hội chữ thập đỏ	12	1.147
	- TX	12	847
	- KP hiến máu nhân đạo		300
9	Liên minh Hợp tác xã	17	1.604
	- TX	17	1.024
	- In đặc san:		180
	- Phát triển KTTT		400
10	Hội Luật gia	3	200
	- TX	3	200
11	Hội người mù	10	526
	- TX	10	526
12	Liên Hiệp Hội KHKT Đồng Nai	4	770
	- TX	4	420
	- Kinh phí tư vấn phân biện giám định xã hội		350
13	Hội khuyến học	-	300
	- TX		300
14	Hội Cựu Thanh niên xung phong	-	200
	- TX		200
15	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ Dioxin	5	352
	- TX	5	352

STT	NỘI DUNG	NĂM 2012	
		BIÊN CHẾ	DỰ TOÁN PHÂN BỐ
16	Hội Người cao tuổi	6	244
	- TX	6	244
XII	CHI TRỢ GIÁ CÁC MẶT HÀNG CHÍNH SÁCH	-	20.500
XIII	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	129	32.285
1	Sở Tư pháp	74	2.618
	a - TT dịch vụ bán đấu giá	10	200
	- TX	10	200
	b - TT Trợ giúp pháp lý	32	1.801
	- TX	32	1.801
	c - Phòng CC số 2,3	32	617
	+ TX	32	617
2	Tỉnh đoàn	-	300
	- TT Sinh hoạt văn hoá TTN	-	300
	+ TX		300
3	Liên minh Hợp tác xã		150
	- TT Dịch vụ HTX và DN		150
	+ TX		150
4	VP UBND tỉnh	26	2.673
	- TT Tin học - Ngoại ngữ	14	749
	+ TX	14	749
	- TT Công báo	12	1.924
	+ TX	12	724
	- Phát hành công báo		1.200
	+ TX		1.380
6	Sở Thông tin và Truyền thông	17	580
	- TT Công nghệ thông tin và TT	17	580
	+ TX		580
	Nhà Xuất bản	-	800
	+ TX		800
7	Ban quản lý các KCN Đồng Nai	12	654
	- TT Đào tạo CULĐ Kỹ thuật	12	654
	+ TX	12	654
8	Sở Kế hoạch đầu tư		104
	- Trung tâm tư vấn		104
9	Chi khác		24.406

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục số 07

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2012 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

(Kèm theo Tờ trình số 2158 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TỶ LỆ	TỶ LỆ	TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ										
	Đ. TIẾT	Đ. TIẾT		BIÊN	VĨNH	TRẢNG	THÔNG	ĐỊNH	TÂN	LONG	XUÂN	CẨM	LONG	NHƠN
	B. HOÀ	HUYỆN		HÒA	CỬU	BOM	NHÁT	QUÁN	PHÚ	KHÁNH	LỘC	MỸ	THÀNH	TRẠCH
A	B	C	1=1+..12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A. Nhiệm vụ thu NS cấp huyện, xã			3.271.900	1.493.500	145.700	284.650	98.500	72.000	62.300	162.200	400.000	52.250	264.600	236.200
* Nhiệm vụ thu loại trừ tiền SD đất			2.921.900	1.393.500	129.700	219.650	83.500	66.500	60.800	132.200	390.000	45.250	229.600	171.200
1. Thuế công thương nghiệp, NQD			2.100.000	945.700	96.500	160.000	62.000	44.800	46.200	93.600	350.000	28.000	163.500	109.700
- Thuế GTGT	38%	51%	1.792.430	765.700	63.600	143.040	56.540	38.900	41.000	82.400	338.250	25.600	141.400	96.000
- Thuế TNDN	38%	51%	218.860	135.000	21.000	12.500	3.400	2.500	2.390	6.700	8.000	900	17.000	9.470
- Thuế TTĐB hàng nội địa	38%	51%	7.400	5.500	0	150	0	300	180	240	200	30	450	350
- Thuế tài nguyên	100%	100%	16.890	5.200	9.500	110	60	450	330	60	700	30	150	300
- Thuế môn bài	100%	100%	42.240	19.300	1.400	3.200	1.600	1.950	1.800	3.500	1.850	1.240	3.700	2.700
- Thu khác về thuế	100%	100%	22.180	15.000	1.000	1.000	400	700	500	700	1.000	200	800	880
2. Lệ phí trước bạ	100%	100%	410.000	238.000	15.200	30.000	11.000	9.300	7.500	16.500	17.500	7.000	31.000	27.000
3. Thuế nhà đất	100%	100%	46.000	32.000	1.500	1.050	600	750	600	5.500	1.050	650	1.500	800
4. Thu tiền sử dụng đất	20%	20%	350.000	100.000	16.000	65.000	15.000	5.500	1.500	30.000	10.000	7.000	35.000	65.000
5. Phí, lệ phí			49.000	25.000	2.500	3.000	1.250	1.750	1.500	3.000	2.500	1.400	3.500	3.600
- Trong cân đối	100%	100%	45.150	25.000	2.000	2.500	1.250	1.500	1.500	2.500	2.000	1.200	2.500	3.200
6. Thu tiền thuê đất	100%	100%	2.400	700	800	200	0	0	0	0	200	0	500	0
7. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... của ngân sách xã	100%	100%	6.000	3.200	200	400	150	600	200	300	250	200	400	100
8. Thuế thu nhập cá nhân			246.500	122.000	11.000	20.000	5.000	6.000	3.300	10.000	15.000	6.000	23.200	25.000
9. Thuế bảo vệ môi trường			900	900										

CHỈ TIÊU	TỶ LỆ	TỶ LỆ	TỔNG CỘNG	TRONG ĐÓ											
	Đ. TIẾT	Đ. TIẾT		BIÊN	VĨNH	TRĂNG	THÔNG	ĐỊNH	TÂN	LONG	XUÂN	CẨM	LONG	NHƠN	
	B. HOÀ	HUYỆN		HÒA	CỬU	BOM	NHẤT	QUẢN	PHÚ	KHÁNH	LỘC	MỸ	THÀNH	TRẠCH	
A	B	C	1=1+..12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
10. Thu khác			61.100	26.000	2.000	5.000	3.500	3.300	1.500	3.300	3.500	2.000	6.000	5.000	
- Trong cân đối	100%	100%	50.000	26.000	1.500	3.500	3.000	2.000	1.500	2.500	1.500	1.500	3.000	4.000	
B. Thu cân đối ngân sách huyện			1.552.586	708.756	76.246	121.362	48.629	38.517	36.151	77.123	202.740	25.550	124.564	92.948	
1. Số thu Huyện hưởng 100%			640.860	364.400	33.100	41.960	18.060	17.250	13.930	31.560	26.050	12.020	43.550	38.980	
2. Số thu Huyện hưởng theo tỷ lệ			911.726	344.356	43.146	79.402	30.569	21.267	22.221	45.563	176.690	13.530	81.014	53.968	
C. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh			2.591.117	95.911	216.183	247.551	240.615	387.015	341.376	239.675	181.915	292.831	190.068	157.979	
1. Bổ sung cân đối			2.495.206	0	216.183	247.551	240.615	387.015	341.376	239.675	181.915	292.831	190.068	157.979	
2. Bổ sung có mục tiêu			95.911	95.911											
D. Tiền sử dụng đất ngân sách huyện															
được hưởng chưa tính vào CĐNS			70.000	20.000	3.200	13.000	3.000	1.100	300	6.000	2.000	1.400	7.000	13.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 08

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2012 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

(Kèm theo Tờ trình số 8158 /TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐỊNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	CHI TRONG CÂN ĐỐI	4.172.720	820.583	292.429	368.913	289.244	425.532	377.527	316.798	397.753	318.381	314.631	250.927
	<i>(Chưa bao gồm thu tiền sử dụng đất)</i>												
I	Chi đầu tư phát triển	773.000	115.000	64.500	65.000	64.500	66.500	65.500	67.500	67.000	66.500	66.000	65.000
	Chi XDGB từ nguồn vốn tập trung	773.000	115.000	64.500	65.000	64.500	66.500	65.500	67.500	67.000	66.500	66.000	65.000
II	Chi thường xuyên	3.252.666	668.882	219.412	293.168	216.319	346.638	301.032	240.071	306.451	242.608	239.467	178.618
1	Sự nghiệp kinh tế	365.047	148.771	22.289	22.416	17.301	20.578	18.666	36.102	19.586	15.234	24.642	19.462
	<i>Trong đó:</i>												
	- Chi kiến thiết thị chính	92.900	55.000	5.000	3.000	2.700	2.300	2.300	8.000	2.300	2.300	5.000	5.000
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	146.399	78.584	8.688	5.000	5.975	5.398	5.398	20.000	2.256	1.700	8.300	5.100
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.853.915	353.504	124.770	174.206	127.029	223.637	177.130	126.343	185.768	145.412	129.524	86.592
	- Chi sự nghiệp giáo dục	1.831.915	351.504	122.770	172.206	125.029	221.637	175.130	124.343	183.768	143.412	127.524	84.592
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	22.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	5.500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500
4	Văn hoá, thông tin, thể thao, du lịch và gia đình	59.403	12.712	4.500	6.013	4.000	5.349	4.682	3.494	5.973	3.969	4.755	3.956
5	Sự nghiệp y tế (chi bảo hiểm xã hội)	11.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
6	Phát thanh truyền hình	20.220	4.591	1.283	2.020	1.238	1.693	1.694	1.228	2.089	1.436	1.613	1.335

S T T	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRĂNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐỊNH QUẢN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Đảm bảo xã hội	208.260	34.903	10.200	19.035	14.659	29.056	24.288	13.449	23.345	15.495	13.994	9.836
8	Chi an ninh - quốc phòng	176.436	30.722	12.270	16.878	11.206	16.787	18.234	12.023	16.814	13.589	15.589	12.324
	- An ninh	74.376	10.733	5.302	7.092	4.738	7.575	8.854	4.745	7.087	6.117	6.967	5.166
	- Quốc phòng	102.060	19.989	6.968	9.786	6.468	9.212	9.380	7.278	9.727	7.472	8.622	7.158
9	Quản lý hành chính	489.585	72.179	38.000	45.000	35.386	42.838	48.438	40.432	45.876	40.073	42.350	39.013
	- Quản lý Nhà nước	417.923	61.334	32.297	38.745	29.905	33.414	37.782	34.895	42.204	36.894	37.086	33.367
	- Đảng	35.840	4.214	2.714	2.819	2.760	5.997	6.781	2.546	1.473	1.097	2.683	2.756
	- Đoàn thể	35.822	6.631	2.989	3.436	2.721	3.427	3.875	2.991	2.199	2.082	2.581	2.890
10	Chi khác ngân sách	63.300	10.000	4.600	6.100	4.000	5.200	6.400	5.500	5.500	5.900	5.500	4.600
III	Dư phòng ngân sách (huyện, xã)	118.039	20.785	8.517	10.745	8.425	12.394	10.996	9.227	11.204	9.273	9.164	7.309
IV	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	29.015	15.916	0	0	0	0	0	0	13.099	0	0	0

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất chưa tính vào chi cân đối ngân sách.

Phụ lục số 09

**SƠ BỐ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2012**

(Kèm theo Tờ trình số 8157 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, xã được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện, xã	Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã và ngân sách xã, phường thị trấn thuộc tỉnh			
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Trong đó
								Vốn mức ngoài
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7
1	Thành phố Biên Hòa	1.493.500	708.756	820.583	95.911	0	95.911	
2	Thị xã Long Khánh	162.200	77.123	316.798	239.675	239.675		
3	Huyện Tân Phú	62.300	36.151	377.527	341.376	341.376		
4	Huyện Định Quán	72.000	38.517	425.532	387.015	387.015		
5	Huyện Vĩnh Cửu	145.700	76.246	292.429	216.183	216.183		
6	Huyện Long Thành	264.600	124.564	314.632	190.067	190.067		
7	Huyện Nhơn Trạch	236.200	92.948	250.927	157.979	157.979		
8	Huyện Xuân Lộc	400.000	202.740	397.753	181.914	181.914		
9	Huyện Thống Nhất	98.500	48.629	289.244	240.615	240.615		
10	Huyện Trảng Bóm	284.650	121.362	368.913	247.551	247.551		
11	Huyện Cẩm Mỹ	52.250	25.550	318.382	292.831	292.831		
TỔNG SỐ		3.271.900	1.552.584	4.172.720	2.591.117	2.495.206	95.911	0

Ghi chú:

1. Tiền sử dụng đất giao nhiệm vụ thu cho các huyện 350.000 triệu đồng theo quy định tỷ lệ điều tiết 20% cho ngân sách cấp huyện thì ngân sách cấp huyện được 70.000 triệu đồng (không nằm trong thu cân đối ngân sách).
2. Bổ sung cân đối ngân sách nêu trên bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã.
3. Số bổ sung ngân sách do chênh lệch giữa thu - chi cân đối đã loại trừ chi từ nguồn cải cách tiền lương trong tổng chi cân đối của 02 đơn vị thành phố Biên Hòa và huyện Xuân Lộc.

Số: 506 /BC-HĐND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ- NGÂN SÁCH
Về tờ trình, dự thảo nghị quyết ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương
năm 2011; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương,
phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới năm 2012
của tỉnh Đồng Nai

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của của các Ban HĐND tỉnh trong thẩm tra dự thảo nghị quyết, tờ trình của UBND trình HĐND được quy định tại Luật tổ chức HĐND và UBND;

Căn cứ Nghị quyết số 192/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh khóa VII về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 6 tháng cuối năm 2010; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2011; Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 15/7/2011 của HĐND tỉnh khóa VIII về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012; Thông tư số 83/2011/TT-BTC ngày 16/6/2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2012; Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 28/11/2011 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012,

Ban Kinh tế – Ngân sách (KT-NS) tiến hành thẩm tra Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2011; dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh năm 2012. Kết quả thẩm tra như sau:

I. BỘ HỒ SƠ THẨM TRA

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, gồm có: Tờ trình số 8158/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2011; dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh năm 2012; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo nghị quyết.

Căn cứ quy định hiện hành, hồ sơ trình là đầy đủ.

II. VỀ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011

Qua xem xét Tờ trình của UBND tỉnh, Ban cơ bản nhất trí với nhận định, đánh giá về thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân tác động đến kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2011 trên địa bàn. Ban xin nhấn mạnh một số nội dung sau:

Tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh năm 2011 ổn định và có bước tăng trưởng khá, tốc độ tăng GDP đạt 13,32%. UBND tỉnh có nhiều biện pháp hữu hiệu, tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, đầu tư, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đạt và vượt mục tiêu nghị quyết đề ra, đã tác động tích cực đến kết quả thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn. Trong năm, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tăng thu ngân sách ở địa phương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách tại kỳ họp thứ 2 của HĐND tỉnh... Các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện ngay sau Nghị quyết có hiệu lực, vì vậy, Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện là 22.641 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, tăng 15% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đều đạt 100% dự toán; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết vượt 08% dự toán.

Trong điều hành chi, UBND tỉnh đã điều hành một cách linh hoạt, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung chi phù hợp với tình hình thực tế và các nhiệm vụ phát sinh; kết quả tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện là 9.153 tỷ đồng, đạt 104% dự toán, đáp ứng cơ bản hoạt động của bộ máy Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban KT-NS nhận thấy:

Một, Tổng thu ngân sách năm 2011 đạt chỉ tiêu dự toán, nhưng xem xét cụ thể kết quả thực hiện từng chỉ tiêu thu, có 04/13 chỉ tiêu thực hiện chưa đạt dự toán; trong các chỉ tiêu thực hiện đạt dự toán, cũng có một số khoản thu không đạt; tổng cộng có 09 khoản thu không đạt chỉ tiêu tương đương 1.550 tỷ đồng, chiếm 06% dự toán năm. Từ đó, có ảnh hưởng nhất định đến một số nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương. Ban đề nghị UBND tỉnh cần phân tích, đánh giá nguyên nhân đối với các khoản thu chưa đạt dự toán để có biện pháp khắc phục trong năm 2012.

Hai, Trong thời gian qua, thực hiện thẩm quyền HĐND tỉnh đã ban hành một số khoản thu phí, lệ phí. Ngay sau nghị quyết có hiệu lực, UBND tỉnh đã ban hành quyết định và giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện trên địa bàn. Tuy nhiên, qua theo dõi và giám sát nhận thấy: công tác quản lý Nhà nước về thu phí, lệ phí còn có hạn chế nhất định, việc chấp hành thu phí, lệ phí của tổ chức, cá nhân có lúc, có nơi thực hiện chưa đúng quy định, như: nhiều điểm coi, giữ xe ô tô, xe máy thực hiện thu cao hơn mức quy định, nhất là ở khu vực đô thị, bệnh viện, chợ, công viên; phí rác thải sinh hoạt, nhiều địa

phương thực hiện thu cao hơn mức quy định nhưng chưa được chấn chỉnh (như ở huyện Nhơn Trạch, Định Quán), một số đơn vị thu phí không thực hiện trích nộp vào ngân sách nhà nước phần chi phí xử lý rác theo quy định; nhiều đơn vị còn nợ về phí (như: Phí Bảo vệ môi trường, phí thẩm định...). Ban đề nghị UBND tỉnh có giải pháp khắc phục trong năm 2012.

2. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2012

a) Về số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2012

Lập dự toán ngân sách năm 2012, Sở Tài chính đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tổ chức thảo luận trên cơ sở kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2011 và tăng thêm 20% đối với thu nội địa, tăng 21% đối với thu ở lĩnh vực xuất nhập khẩu. Quá trình thảo luận diễn ra dân chủ, công khai. Đặc biệt, quan tâm bố trí nguồn kinh phí để thực hiện những chủ trương, chính sách mới phát sinh của Trung ương và địa phương chưa được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2011; dự kiến nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổng hợp đầy đủ vào dự toán ngân sách năm 2012; trong quá trình thảo luận có mời đại diện lãnh đạo Ban KT-NS cùng tham dự để giám sát ngay từ đầu. Quy trình thực hiện đảm bảo đúng quy định của Nhà nước về lập dự toán ngân sách.

Căn cứ quy định hiện hành; căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy về chỉ tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2012; Nghị quyết của HĐND tỉnh về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ điều tiết ngân sách giai đoạn 2011-2015; Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh xây dựng dự toán ngân sách năm 2012 trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định và làm cơ sở triển khai, thực hiện trên địa bàn là đúng quy định. Ban KT-NS cơ bản nhất trí với các chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2012 do UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Tuy nhiên, qua xem xét dự toán, đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2012, Ban có một số ý kiến như sau:

- Về dự toán thu ngân sách nhà nước: Các chỉ tiêu dự toán thu trong cân đối của Tỉnh xây dựng đều phù hợp với số dự toán được Trung ương giao; trong đó, phần lớn các chỉ tiêu được xây dựng đều cao hơn số ước thực hiện năm 2011, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế, xã hội năm 2012 của Tỉnh và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên qua thẩm tra, Ban nhận thấy:

+ Đối với thu nội địa, có 03 chỉ tiêu thu xây dựng thấp hơn số ước thực hiện năm 2011 là: Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (thấp hơn 5.000 triệu đồng); thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản (thấp hơn 6.000 triệu đồng) và thu khác ngân sách (thấp hơn 55.300 triệu đồng) nhưng các chỉ tiêu này được xây dựng căn cứ vào khả năng thực hiện nhiệm vụ năm 2012. Ban thống nhất với mức chỉ tiêu thu trong dự toán do UBND tỉnh trình.

+ Đối với thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Số dự toán thu trong tờ trình UBND tỉnh xây dựng thấp hơn số Trung ương giao là 20 tỷ đồng. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về giao bổ sung 20 tỷ đồng từ hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh chậm nhất trong quý I năm 2012 và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

- Về dự toán chi ngân sách địa phương: Đối chiếu dự toán với các quy định của Nhà nước về xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương, Ban KT-NS nhận thấy:

+ Nguyên tắc bố trí chi đầu tư phát triển trên cơ sở xác định ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng, giao thông kết nối khu dân cư, giáo dục - đào tạo, chương trình nông nghiệp, nông thôn và môi trường. Bố trí vốn theo quan điểm phân cấp mạnh cho cấp huyện để thu hút đầu tư và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Đối với chi thường xuyên, bố trí đảm bảo hoạt động của bộ máy Nhà nước, ưu tiên chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề; khoa học công nghệ; nông nghiệp; môi trường; y tế và an sinh xã hội. Nguyên tắc bố trí trên cơ bản phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2012 của tỉnh.

+ Các chỉ tiêu dự toán chi của ngân sách địa phương xây dựng đều phù hợp với số dự toán được Trung ương giao, trong đó, chi cho giáo dục và đào tạo; chi cho khoa học công nghệ cao hơn mức quy định tối thiểu của Trung ương. Tuy nhiên, qua thẩm tra cho thấy: Chi sự nghiệp hoạt động môi trường có thấp hơn quy định trung ương nhưng phù hợp với khả năng thực hiện của địa phương. Riêng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 231 tỷ đồng do chưa có hướng dẫn cụ thể, nên tỉnh sẽ phân bổ sau. Ban thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về phân bổ chỉ tiêu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương chậm nhất trong quý I năm 2012 và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

+ Việc bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách địa phương cho các ngành, lĩnh vực, cơ bản đúng với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính; căn cứ vào tình hình thực tế của từng ngành, từng đơn vị, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

Qua thẩm tra Ban nhận thấy, theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai có quy định: *“Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách địa phương, đảm bảo dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai...”*. Tuy nhiên, các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã được HĐND tỉnh khóa VII quyết định phân chia tỷ lệ 30% cho quỹ phát triển nhà, 30% quỹ phát triển Nhà ở xã hội, 20% Ngân sách cấp tỉnh và 20% cho Ngân sách cấp huyện theo quy

định của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Mặt khác, nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã được ngân sách đảm bảo trong dự toán ngân sách hàng năm.

Do đó, Ban thống nhất dự toán ngân sách năm 2012 do UBND tỉnh trình.

b) Về phân bổ chi ngân sách tỉnh cho các sở, ban ngành thuộc tỉnh

Phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đúng với định mức phân bổ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015. Biên chế để xây dựng dự toán đúng với tổng số biên chế hành chính, sự nghiệp của tỉnh Đồng Nai năm 2012 do UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Việc phân bổ chi năm 2012, UBND tỉnh có căn cứ vào kế hoạch tài chính được lập từ các đơn vị; dựa trên số cân đối nguồn thu ngân sách địa phương năm 2012 và có xem xét theo tiêu chí nhiệm vụ đặc thù để bổ sung thêm kinh phí cho một số cơ quan, đơn vị là phù hợp. Tuy nhiên, có một số chi tiêu, nhiệm vụ chi được bố trí thấp hơn so với số thực hiện trong năm 2012: chi cho sự nghiệp y tế (bảo hiểm), bảo đảm xã hội, hoạt động đoàn thể...theo dự kiến, UBND tỉnh sẽ bố trí từ nguồn thường vượt thu năm 2011 và phần đầu vượt dự toán thu ngân sách năm 2012 để thực hiện. Do đó, Ban KT-NS nhất trí với mức chi phân bổ theo tờ trình của UBND tỉnh.

c) Mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới

Nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỉ lệ phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện và xã năm 2012 được áp dụng theo đúng Nghị quyết HĐND tỉnh về tỉ lệ điều tiết và định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2011-2015. Mức chi đầu tư phát triển được bố trí tăng 15% và mức chi thường xuyên tăng 15% dự toán năm 2011, trong đó: có tăng chi đủ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo thực hiện các chính sách mới; sự nghiệp môi trường tăng 161% so với dự toán; các nhiệm vụ khác tăng bình quân 06% so với dự toán là phù hợp, vì đây là nhiệm vụ trong năm 2011 các huyện phải thực hiện nhưng dự toán chưa bố trí, hoặc bố trí chưa đủ. Ban KT-NS nhất trí với mức bổ sung cho ngân sách cấp huyện theo tờ trình của UBND tỉnh.

d. Về giải pháp điều hành thu, chi ngân sách

Theo Tờ trình, UBND tỉnh đã đề ra 08 giải pháp về thu ngân sách nhà nước, 11 giải pháp về chi ngân sách địa phương và 03 giải pháp về điều hành; qua xem xét Ban nhận thấy các giải pháp mà UBND tỉnh đưa ra là cơ bản hợp lý, đầy đủ và khắc phục được một số hạn chế, bất cập trong thực hiện dự toán ngân sách năm 2011. Tuy nhiên, mức thu ngân sách tăng 20% thu nội địa, 21% thu ở lĩnh vực xuất nhập khẩu so với năm 2011, đây là mức thu cao, thể hiện tính tích cực để có nguồn bố trí tăng chi cho một số nhiệm vụ chưa được bố trí đầu năm. Do đó, đòi hỏi UBND các cấp và các cơ quan tổ chức thu ở các cấp ngân sách phải nỗ lực, có nhiều giải pháp cụ thể trên từng lĩnh vực thu để đạt được kết quả theo dự toán.

Ban KT-NS nhất trí với các giải pháp của UBND tỉnh trình.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ban KT-NS có ý kiến như sau:

- Đề nghị HĐND tỉnh xem xét các kiến nghị của Ban bổ sung vào dự thảo nghị quyết;
- Số liệu của dự thảo nghị quyết khớp đúng với số liệu của tờ trình về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới năm 2012;
- Dự thảo nghị quyết có quy định nhiệm vụ của UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quan hệ giữa Thường trực HĐND với UBND trong việc điều chỉnh dự toán và nhiệm vụ giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND.

Quy định như trên là đầy đủ và đúng luật.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS về ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2011; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh, mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh năm 2012, trình kỳ HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND tỉnh thứ 3 HĐND tỉnh khóa VIII;
- Lưu: VT, CV.



Quách Ngọc Lan